



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN
Lô 4-6-8, Đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam
ĐT: 37541890 - 37541812 Fax: 37541800 - 37541891
Email: aptco@apt.com.vn Web: www.apt.com.vn

Số: 75 /CV – THS
V/v Công bố thông tin trên cổng
thông tin điện tử của UBCKNN
và Sở Giao dịch CK Hà Nội về
Báo cáo thường niên năm 2019.

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 17 tháng 4 năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

Mã Chứng khoán: APT

Trụ sở chính: Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A,
Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 84-28-37541802 Fax: 84-28-37541808

Người thực hiện Công bố thông tin: Ông NGUYỄN THÀNH VINH

Điện thoại: 84-28-37541802 Fax: 84-28-37541808

Di động: 0913724726.

Loại Thông tin công bố: Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2019.

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2019.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên (để công bố TT);
- HĐQT/BKS Công ty (để báo cáo);
- Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, TK.HĐQT

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN/
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN THÀNH VINH



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN
Lô 4-6-8, Đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam
ĐT: 37541890 - 37541812 Fax: 37541800 - 37541891
Email: aptco@apt.com.vn Web: www.apt.com.vn

Số: 75 /CV – THS
V/v Công bố thông tin trên cổng
thông tin điện tử của UBCKNN
và Sở Giao dịch CK Hà Nội về
Báo cáo thường niên năm 2019.

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 17 tháng 4 năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

Mã Chứng khoán: APT

Trụ sở chính: Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A,
Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 84-28-37541802 Fax: 84-28-37541808

Người thực hiện Công bố thông tin: Ông NGUYỄN THÀNH VINH

Điện thoại: 84-28-37541802 Fax: 84-28-37541808

Di động: 0913724726.

Loại Thông tin công bố: Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2019.

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2019.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên (để công bố TT);
- HĐQT/BKS Công ty (để báo cáo);
- Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, TK.HĐQT

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN/
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN THÀNH VINH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN (APT).
Năm báo cáo: 2019**



Tháng 04/2020

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN.**
- Tên tiếng Anh: SAIGON AQUATIC PRODUCTS TRADING JOINT STOCK COMPANY.
- Tên viết tắt: APT CO.
- Trụ sở chính: Lô 4-6-8 Đường 1A, P.Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.28) 37541889 - Fax: (84.28) 37541808.
- Website: www.apt.com.vn - Email: aptco@apt.com.vn
- Fanpage: facebook.com/aptfoods, Youtube: youtube.com/aptfoods.
- Vốn điều lệ: 88.000.000.000 đồng (tám mươi tám tỷ đồng).
- GCNĐKKD số 41035759 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006; đăng ký thay đổi lần 09 ngày 23/10/2018.
- Mã cổ phiếu (nếu có): APT

2. Quá trình hình thành và phát triển:

a. Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn (APT) được thành lập do cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty kinh doanh thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh ngày 26/05/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty kinh doanh thủy hải sản thành Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn (Công ty APT). Công ty APT chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2007 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103005759 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 20/12/2006.

- APT chuyên sản xuất, chế biến và kinh doanh các mặt hàng thủy hải sản, nông sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Được thành lập từ năm 1976, đến nay Công ty đã không ngừng cải tiến kỹ thuật, trang thiết bị, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Các Xí nghiệp trực thuộc Công ty đều được cấp Code xuất khẩu đi Châu Âu bao gồm Code DL 364, DL 142, DL 769, HK 155, HK 156.

- Với các yếu tố như: đội ngũ quản lý, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm và năng động, công nhân sản xuất chế biến lành nghề, dây chuyền sản xuất hiện đại, cùng hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn HACCP, ISO... Công ty rất tự hào vì đã góp phần tạo nên một thế giới thực phẩm an toàn, chất lượng phục vụ cho cuộc sống.

- Với năng lực hiện có, hàng năm Công ty sản xuất và chế biến 20.000 - 30.000 tấn thủy hải sản các loại, trong đó 60% dành cho xuất khẩu. Hiện nay, sản phẩm của Công ty có mặt trên 25 quốc gia ở các châu lục và ngày càng mở rộng trong tương lai.

- Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 9 (chín) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp bổ sung giấy chứng nhận ĐKKD. Lần thay đổi thứ chín ngày 23/10/2018

- Công ty đã được tặng thưởng các danh hiệu:

+ Năm 2001: Huân chương Lao Động hạng 3.

+ Giải thưởng Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao hợp chuẩn 2004, 2005, 2006.

+ Sản phẩm uy tín chất lượng năm 2005

+ Huy chương vàng hội chợ Vietfish 2000, 2003, 2005, 2006, 2007, 2008.

+ Năm 2006: Giải thưởng Sao vàng Đất Việt, Business Excellent Awards 2006.

+ Thương hiệu Việt Uy tín chất lượng năm 2005, 2006, 2007

+ Năm 2008: Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Xuất khẩu Uy tín của Bộ Công Thương.

+ Năm 2010, 2011, 2013, 2014, 2017, 2018: Giấy Chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao.

+ Năm 2017, 2018, 2019: Giấy chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao chuẩn hội nhập.

+ Năm 2017, 2019: Sản phẩm dịch vụ tiêu biểu TP.Hồ Chí Minh.

+ Năm 2017: Doanh nghiệp Thương hiệu Việt tiêu biểu năm 2017 của Ban chỉ đạo Trung ương cuộc vận động: Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam.

+ Năm 2016, 2017, 2018 “đạt chứng nhận VietGap”, chứng nhận Đơn vị nuôi đạt tiêu chuẩn “chuỗi sản phẩm an toàn” có giá trị đến năm 2020.

+ Doanh nghiệp phát triển bền vững 42 năm do Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố trao tặng.

b. Các sự kiện khác:

- Ngày 26/11/2006, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn nhiệm kỳ I do Đại hội đồng cổ đông thành lập bầu ra, gồm 05 người với nhiệm kỳ 05 năm kể từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2011. Danh sách Hội đồng Quản trị (HĐQT) cụ thể gồm có:

- | | |
|----------------------------|-------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Chí Thành | Chủ tịch HĐQT; |
| 2. Ông Đỗ Văn Vinh | Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc; |
| 3. Ông Nguyễn Thanh Sơn | Thành viên HĐQT – P. Tổng Giám đốc; |
| 4. Ông Nguyễn Văn Công Hậu | Thành viên HĐQT – P. Tổng Giám đốc; |
| 5. Ông Tạ Bá Thuyết | Thành viên HĐQT (cổ đông ngoài); |

- Từ tháng 04/2008, Ông Đào Xuân Đức – người đại diện vốn Nhà nước, giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế Ông Nguyễn Chí Thành do chuyên công tác (đã báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội thường niên 2008).

- Ngày 21/11/2008, Ủy Ban Nhân Dân TP HCM đã chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Kinh Doanh Thủy hải sản Sài Gòn thực hiện bán đấu giá tiếp phần vốn Nhà nước là 36,68% /Vốn điều lệ (VĐL) và chỉ giữ lại phần vốn Nhà nước theo phương án ban đầu là 30%/VĐL. Căn cứ vào Biên bản xác định kết quả đấu giá ngày 27/8/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn đã tổ chức xong việc bán đấu giá 36,68% /VĐL của phần vốn Nhà nước tại Công ty.

- Tháng 8/2009, thành viên HĐQT tiếp tục có sự thay đổi do Tổng Công Ty Thương Mại Sài Gòn thay đổi người đại diện vốn Nhà nước. Cụ thể:

- Ông Trương Tiến Dũng là đại diện vốn Nhà nước, thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Tổng Giám đốc, thay thế Ông Đỗ Văn Vinh do bị Hội đồng Quản trị tạm đình chỉ chức vụ.

- Ngày 31/10/2009, Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn có Quyết định giảm số lượng người Đại diện vốn Nhà nước từ 05 thành viên xuống còn 03 thành viên (Ông Nguyễn Thanh Sơn Phó TGD và Ông Nguyễn Văn Công Hậu Phó TGD không còn là người đại diện vốn Nhà nước và từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT tại Công ty).

- Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường vào tháng 11/2009 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị. Sau đại hội, các thành viên Hội đồng Quản trị được thay đổi theo danh sách sau:

- | | | |
|---------------------------|---|---------------------------------|
| 1. Ông Trần Phát Minh | : | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn: | | Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Đào Xuân Đức | : | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Trương Tiến Dũng : | | Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc |
| 5. Ông Tạ Bá Thuyết | : | Thành viên HĐQT |

- Sau Đại hội thường niên 2010, các thành viên HĐQT được thay đổi theo danh sách như sau:

- | | | |
|-----------------------------|---|---------------------------------|
| 1. Ông Trần Phát Minh | : | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Đào Xuân Đức | : | Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Trương Tiến Dũng : | | Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc |
| 4. Ông Phùng Công Trí Dũng: | | Thành viên HĐQT |

- Ngày 12 tháng 7 năm 2011, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Thông báo 477/TB-VP về việc kết luận thanh tra toàn diện các vấn đề liên quan đến công tác điều hành SXKD và công tác quản lý tổ chức của Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn. Qua đó, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã thống nhất theo đề xuất của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn, chọn phương án tái cấu trúc lại tổ chức và hoạt động để giúp Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn phục hồi, duy trì hoạt động, tạo công ăn việc làm cho người lao động và có điều kiện thanh toán công nợ.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh theo GCNĐKKD:

Nuôi trồng thủy sản. Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản. Mua bán, chế biến thủy hải sản. Gia công các mặt hàng thủy hải sản. Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc. Chế biến nước mắm, nước chấm. Sản xuất nước đá. Gia công hàng may mặc, các sản phẩm bằng kim loại. Sản xuất, mua bán gaz NH₃. Sản xuất các loại cấu kiện từ panel nhựa xốp, gia công lắp ráp các nhà kho chứa, kho lạnh, khung nhà tiền chế, các loại vách ngăn cách nhiệt, các tấm trần bằng cấu kiện panel và tole tráng nhựa, các loại bao bì, các loại hộp thực phẩm và thức ăn nhựa bằng nhựa xốp. Mua bán xăng, dầu, nhớt các loại. Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến. Mua bán bao bì, panel nhựa xốp, mua bán cấu kiện, thiết bị lạnh. Mua bán thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí, điện máy, xe máy, vật tư phục vụ sản xuất, nông sản, phương tiện vận tải chuyên dùng. Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ, rượu. Ăn uống, nhà nghỉ, massage, xông hơi, sân tennis. Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu, sửa chữa cơ điện lạnh. Cano lướt ván, chèo thuyền, câu cá giải trí.

Cho thuê kho, bãi, kinh doanh bất động sản, bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt, chế biến bào quản rau quả.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 cổ đông Công ty đã bầu chọn Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ II (2012-2016) gồm các thành viên:

- | | |
|-----------------------------|---|
| 1. Ông Trần Phát Minh: | Chủ tịch Hội đồng Quản trị. |
| 2. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy: | Thành viên Hội đồng Quản trị. |
| 3. Ông Trương Tiến Dũng: | Thành viên Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc. |

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, cổ đông Công ty đã bầu chọn Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) như sau:

Hội đồng Quản trị gồm các thành viên:

- | | |
|-----------------------------|---|
| 1. Ông Trần Phát Minh: | Chủ tịch Hội đồng Quản trị. |
| 2. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy: | Thành viên Hội đồng Quản trị. |
| 3. Ông Trương Tiến Dũng: | Thành viên Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc. |

Ban Kiểm soát gồm các thành viên:

- | | |
|--------------------------|-----------------------|
| 1. Ông Diệp Phú Vinh: | Trưởng Ban Kiểm soát. |
| 2. Bà Đỗ Ngọc Nga: | Thành viên. |
| 3. Bà Lê Thị Thùy Trang: | Thành viên. |

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Ông Diệp Phú Vinh Trưởng ban kiểm soát có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đã bầu Ông Bùi Tấn Định làm thành viên Ban Kiểm soát và Ban kiểm soát đã bầu Ông Bùi Tấn Định làm Trưởng Ban Kiểm soát.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Ông Trần Phát Minh Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị. Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đã bầu Ông Hoàng Văn Vỹ làm thành viên Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị đã bầu Ông Trương Tiến Dũng làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Vào ngày 07/6/2019 Cổ phiếu APT được chính thức giao dịch trên Sàn Upcom (QĐ 322/QĐ-SGCHN ngày 30/5/2019) và thông báo số 583/TB-SGDHN ngày 30/5/2019 về ngày giao dịch đầu tiên). Tuy nhiên ngay từ ngày giao dịch đầu tiên Cổ phiếu APT đã bị đưa vào diện hạn chế giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, chỉ được giao dịch vào phiên thứ 6 hàng tuần theo thông báo số 613/TB-SGDHN-QLNY ngày 06/06/2019.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

+ Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định của công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

+ Hội đồng Quản trị.

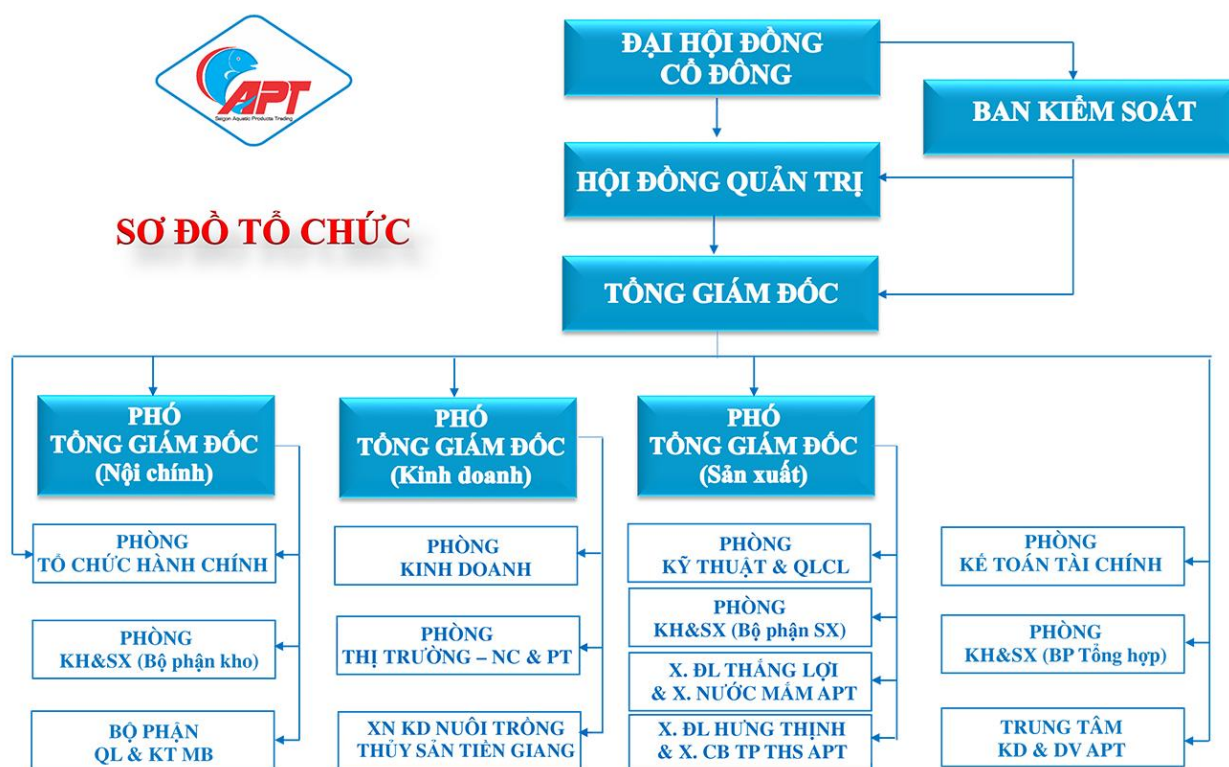
Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị công ty hiện có 03 thành viên và có nhiệm kỳ là 05 năm.

+ Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý và điều hành của công ty, kiểm tra tính hợp lý, pháp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát công ty hiện có 03 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của HĐQT

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn



- Các Công ty con, Công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết): Không có.

5. Định hướng phát triển:

5.1. Mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển:

- Xây dựng phương án khả thi khai thác có hiệu quả các mặt bằng; Thực hiện phương án tái cấu trúc Công ty từng bước nhằm lành mạnh hóa tài chính.

- Trên tinh thần khai thác tối đa các nguồn lực sẵn có, hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài nước, Công ty duy trì và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm nâng cao đời sống cho người lao động.

- Công ty APT cam kết cung ứng thực phẩm chế biến thủy hải sản “*Chất lượng cao-giàu chất dinh dưỡng-an toàn và tiện lợi*”, phấn đấu trở thành một trong những thương hiệu Việt chuyên nghiệp và uy tín với người tiêu dùng.

- Mục tiêu đặt ra cho những năm sắp tới là các chỉ tiêu kế hoạch SXKD phải có tốc độ tăng trưởng hàng năm tăng từ 10% - 20%. Sớm hoàn tất công tác quyết toán giai đoạn Nhà nước và thoái hết vốn Nhà Nước theo chỉ đạo của UBND Thành phố.

- Sau khi tình hình tài chính được lành mạnh hóa, mục tiêu hướng đến là kim ngạch xuất khẩu phải đạt trên 10.000.000USD. Kinh doanh nội địa trở thành nhà cung cấp với đa dạng hóa mặt hàng, doanh thu đạt trên 200 tỷ (*trương trương 10.000.000USD*).

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

5.2.1. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh Thủy hải sản:

a. Xuất khẩu:

- Phấn đấu tăng tỉ lệ sản xuất phục vụ xuất khẩu lên trên 50% công suất Nhà máy.

- Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu mới, theo hướng nâng cao hiệu quả xuất khẩu. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng cao.

- Khách hàng & thị trường: Tiếp tục giữ vững và duy trì quan hệ tốt với khách hàng truyền thống (*Hà Lan, Mỹ, Hàn Quốc, Úc và các nước Asean*), nối lại mối quan hệ với một số khách hàng ở thị trường Trung Quốc, Nhật để xuất khẩu các mặt hàng chế biến khô của Công ty. Không ngừng tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường Xuất khẩu ở các nước khu vực: EU, Trung Đông, Châu Á, Asean, Nga ... Phấn đấu mỗi thị trường có ít nhất từ 1 – 2 khách hàng mới

- Chỉ tiêu kim ngạch: Phấn đấu chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu bình quân mỗi năm tăng từ 10 - 15 %/năm.

- Mặt hàng chính: Cá biển, cá nước ngọt các loại cấp đông và chế biến khô. Một số mặt hàng tinh chế đông lạnh, và nước mắm, nông sản.

b. Nội địa:

- Hướng đến mục tiêu APT trở thành Nhà cung ứng thực phẩm “*An toàn – Chất lượng và Chuyên nghiệp*”. Chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, hướng đến những sản phẩm thiết thực đối với bữa ăn của gia đình (*đặc biệt quan tâm đến sản phẩm dành cho các gia đình*). Xây dựng chiến lược thương hiệu APT, nâng cao hiệu quả nhận diện thương hiệu, sản phẩm APT thông qua các chương trình quảng cáo hoặc giới thiệu sản phẩm APT đến người tiêu dùng thông qua phương tiện thông tin thông tấn báo chí, đài phát thanh, truyền hình.

- Có chiến lược đột phá và nguồn tài chính ổn định cho kế hoạch Marketing dài hạn. Đặc biệt chú trọng phát triển sản phẩm nước mắm, xây dựng *sản phẩm nước mắm là sản phẩm dẫn đường cho thương hiệu “APT”*.

- Với điều kiện thuận lợi về chứng nhận đạt tiêu chuẩn “*chuỗi sản phẩm an toàn*”, “*đạt chứng nhận VietGap*”, chứng nhận “*Hàng Việt Nam chất lượng cao*” “*Hàng Việt Nam chất lượng cao chuẩn hội nhập*” “*Sản phẩm thương hiệu Việt tiêu biểu của Bộ Công Thương*” tiếp tục là điều kiện thuận lợi để mở rộng thị trường và phát triển thương hiệu APT đối với ngành hàng thủy hải sản tươi sống, nhất là đối với mặt hàng cá điêu hồng.

- Thị trường: Tiếp tục đẩy mạnh phát triển mạng lưới phân phối, mở rộng thị trường, tăng cường đưa hàng hóa vào các siêu thị Mega/ Big C/Lotte/ Co.op mart/ Satra mart/ Vissan/ ...bếp ăn tập thể, khu chế xuất, khu công nghiệp, đặc biệt quan tâm đến các kênh chợ truyền thống. Mục tiêu đặt ra là hàng thủy hải sản tươi sống của APT có mặt tại hầu hết các cửa hàng Satra foods và từng bước có mặt tại các hệ thống siêu thị lớn như Coopmart, Big C...vv

- Mặt hàng chính: Tập trung phát triển các sản phẩm truyền thống APT (*Cá sơ chế các loại; Nước mắm các loại; thủy hải sản tươi sống; Sản phẩm khô; các mặt hàng tinh chế...*). Ngoài ra cần nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới trên cơ sở nhu cầu, xu hướng văn hóa tiêu dùng mới của khách hàng, thị trường.

5.2.2. Chiến lược phát triển kinh doanh thương mại – dịch vụ:

Ngoài việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh thủy hải sản, trong chiến lược phát triển từ 2017 đến năm 2022, Công ty tập trung phát triển mạnh lĩnh vực thương mại dịch vụ như dịch vụ cho thuê kho, cho thuê văn phòng, dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác, kinh doanh ăn uống, nhà hàng,...

5.2.3. Chiến lược phát triển các dự án đầu tư:

- Thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp sửa chữa, mở rộng sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả, duy trì điều kiện sản xuất luôn đạt tiêu chuẩn An toàn vệ sinh thực phẩm, Code xuất khẩu.

- Bên cạnh việc duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị cũ đã xuống cấp, Công ty cần đầu tư trang thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tăng sản lượng, giảm giá thành sản phẩm, đảm bảo tốt chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

5.2.4. Chiến lược phát triển nuôi trồng:

- Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản và mặt hàng cá điêu hồng của Công ty APT đạt chứng nhận “*chuỗi thực phẩm an toàn*” và “*đạt chứng nhận VietGap*” là điều kiện để phát triển mặt hàng cá nuôi.

- Duy trì phương pháp nuôi an toàn, chất lượng, tạo ra nguyên liệu đáp ứng cho công tác xuất khẩu và cung cấp cho thị trường nội địa “*chuỗi thực phẩm an toàn*”; đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng và có thể truy xuất nguồn gốc đối với các mặt hàng cá điêu hồng, cá trê, cá tra ... cho công tác xuất khẩu.

5.2.5. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:

Công ty thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo hướng:

- Tiếp tục xây dựng hệ thống và bộ máy quản lý hiệu quả, theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, chất lượng và năng động.

- Tăng cường các biện pháp tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực có năng lực từ bên ngoài. Đẩy mạnh công tác đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực có tay nghề.

- Có chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Xây dựng đội ngũ bán hàng có năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời thông tin thị trường cũng như triển khai tốt các chương trình bán hàng nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu APT ngày càng lớn mạnh.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng cũng như những nhân tố ảnh hưởng bất lợi cho nền kinh tế toàn cầu đều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Kinh tế thế giới hồi phục, đặc biệt tại các nước nhập khẩu thủy sản, sẽ góp phần cho việc hồi phục và tăng sức tiêu thụ hàng hóa thủy sản và làm tăng doanh số bán và hiệu quả hoạt động của Công ty và ngược lại. Bên cạnh đó, các yếu tố vĩ mô khác trong nước như tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất tiền gửi ngân hàng, tình hình lạm phát v.v... cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty và giá cả cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

6.2. Rủi ro về luật pháp:

- Về cơ bản, nhà nước có chính sách khuyến khích và hỗ trợ hoạt động nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản. Tuy nhiên, việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới... liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới Công ty mà nhà đầu tư phải lưu ý, đặc biệt là các văn bản chuyên ngành liên quan đến thủy sản, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.... Mặt khác, các rủi ro liên quan đến việc thay đổi các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm, bảo vệ người tiêu dùng, bảo hộ sản xuất... tại các nước nhập khẩu được điều chỉnh liên tục cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với hoạt động xuất khẩu thủy sản.

- Mặt bằng kinh doanh của Công ty chủ yếu là thuê, trong đó có nhiều diện tích được Nhà Nước cho thuê theo hình thức đất trả tiền thuê đất hàng năm, vì thế trong thời gian tới việc điều chỉnh giá thuê đất của Nhà Nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

- Công ty đã là Công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán và đã thực hiện việc đăng ký giao dịch tại sàn Upcom từ tháng 6 năm 2019, nên hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các Luật, Nghị định và các văn bản pháp luật khác liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6.3. Rủi ro đặc thù:

- Rủi ro tỷ giá hối đoái: Tỷ giá hối đoái danh nghĩa giữa VND và các đồng tiền mạnh khác trên thế giới trong thời gian qua mặc dù được kiểm soát nhưng vẫn có những biến động rất thất thường đã gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và thương mại và hoạt động của Công ty cũng không là ngoại lệ. Trong điều kiện thị trường tài chính vẫn chưa phát triển, các công cụ phát sinh bảo hiểm tỷ giá vẫn chưa được áp dụng thì rủi ro về tỷ giá đối với Công ty là một rủi ro mang tính khách quan khó có thể thay đổi hay giảm thiểu.

- Rủi ro tài chính: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty yêu cầu phải có vốn rất lớn. Tuy nhiên, vốn tự có thấp và thiếu vốn lưu động. Vì vậy, các khoản nợ vay của Công ty chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản, do vậy rủi ro liên quan đến mức biến động lãi suất cho vay và rủi ro thanh khoản cũng hết sức quan trọng mà nhà đầu tư phải chú ý

khi xem xét quyết định. Nợ vay ngân hàng chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản của Công ty vì thế biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của Công ty.

- Các rủi ro liên quan đến thị trường tiêu thụ: Trong thời gian qua, sản phẩm của Công ty chủ yếu là dành để xuất khẩu nên các biến động của thị trường tại nước nhập khẩu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty và đôi lúc có thể coi là khó có thể phòng ngừa. Công ty chỉ có thể giảm thiểu bằng các biện pháp như đầu tư hiện đại hóa các quy trình sản xuất và nuôi trồng để đáp ứng được các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe và thay đổi liên tục của các nước nhập khẩu, đa dạng hóa thị trường, quan tâm nhiều hơn đến việc mở rộng thị trường nội địa...

- Rủi ro về nguồn nguyên liệu: Nguồn nguyên liệu thủy sản trong thời gian qua được đánh giá là thiếu ổn định cả về sản lượng và giá cả. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do việc sản xuất manh mún, thiếu quy hoạch, thiếu sự điều tiết từ phía Nhà nước... Bên cạnh đó sự gắn kết giữa các Doanh nghiệp chế biến và người nuôi trong thời gian không chắc chắn cũng dẫn đến sự không ổn định về nguyên vật liệu cho chế biến. Hiện nay, để giảm thiểu rủi ro này thì APT đã và đang đầu tư vào khâu nuôi trồng để chủ động hơn cho việc chế biến, tuy nhiên ngay cả việc tự tổ chức nuôi trồng thủy sản nguyên liệu thì Công ty cũng có thể gặp các rủi ro liên quan như chi phí thức ăn, thời tiết, chất lượng và sản lượng nuôi trồng...

- Rủi ro liên quan đến nhân sự và quản lý: Kinh doanh và chế biến thủy sản là ngành sử dụng nhiều lao động và yêu cầu tay nghề ở mức cao, trình độ tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất, quản lý công nợ, quản lý bán hàng... cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động mà nhà đầu tư phải lưu ý khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu Công ty.

- Rủi về giá trị cổ phần có thể ảnh hưởng do quyết toán phần vốn Nhà nước chưa thực hiện xong: Cho đến thời điểm lập bản báo cáo thường niên này, mặc dù APT đã hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, tuy nhiên thủ tục bàn giao tại giai đoạn chuyển thể vẫn chưa hoàn tất do nhiều nguyên nhân khách quan. Vì vậy, khi hoàn thành thủ tục quyết toán vốn Nhà nước chính thức thì giá trị doanh nghiệp sẽ có sự thay đổi.

6.4. Rủi ro khác:

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm **2019**:

- ĐVT: 1.000đ

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019		
			Số liệu 2019	Tỷ lệ (%)	
				So với KH 2019	So với TH năm 2018

A	1	2	3	4 = 3/2	5 = 3/1
Doanh thu (triệu đồng)	342.888	407.500	395,227	97	115,2
<i>Doanh thu – DT nội bộ</i>	290.755	348.500	352,500	101,2	121,2
Kim ngạch XK (USD)	5.594.341	6.000.000	6.200.000	103,3	110,8
<i>Tr/đó: XK trực tiếp</i>	5.594.341	5.500.000	6.200.000	112,7	110,8
Lợi nhuận	Hoà vốn	3.900	4,6 tỷ		

(Chỉ tiêu lợi nhuận trên là thuần túy từ kết quả hoạt động kinh doanh, không tính phần phát sinh lỗ của những năm trước đây, lãi phải trả cho Ngân hàng Sacombank và các khoản trích lập dự phòng)

2. Đánh giá chung:

Mặc dù trong năm 2019 Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Nhưng với sự đoàn kết đồng lòng của tập thể người lao động dưới sự điều hành quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc Công ty và sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng Quản trị. Công ty đã hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019.

a. Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự đồng thuận từ Cổ đông; Hội đồng Quản trị quan tâm, chỉ đạo sâu sát, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty trong suốt quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Với tinh thần đoàn kết nhất trí xuyên suốt từ lãnh đạo cao nhất, các đoàn thể, tập thể người lao động. Công ty đã vượt qua những khó khăn bảo đảm duy trì sản xuất, ổn định thu nhập và đời sống cho người lao động;

- Ban Điều hành, các Đoàn thể và Người lao động luôn thống nhất, đoàn kết vượt qua những khó khăn nhằm duy trì sản xuất, ổn định thu nhập và đời sống cho người lao động.

- Ban Tổng Giám đốc quyết liệt trong công tác điều hành. Ngay từ đầu năm 2019, trên cơ sở năng lực và điều kiện thực tế đã giao kế hoạch cụ thể các chỉ tiêu về doanh thu, hiệu quả, định mức chi phí...cho từng Bộ phận quản lý phù hợp với chức năng nhiệm vụ. Qua đó, từng bộ phận trực thuộc có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Nhà xưởng, trang thiết bị, máy móc hàng năm đều được Hội đồng Quản trị, ban điều hành quan tâm đầu tư, duy tu, sửa chữa bằng nguồn vốn khấu hao đảm bảo được điều kiện sản xuất, luôn đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của các cơ quan chức năng, cũng như tiêu chuẩn HCCCP, code xuất khẩu. Bên cạnh đó, Công ty đã đạt kết quả kiểm tra của cơ quan chức năng các Code DL 878, NM 880, Code DL 364, HK 156, DL 769 nhằm phục vụ cho xuất khẩu thuận lợi.

- Công ty nhận được nhiều giải thưởng, danh hiệu hàng nội địa như hàng Việt Nam chất lượng cao, hàng Việt Nam chất lượng cao chuẩn hội nhập, sản phẩm chủ lực tiêu biểu Thành phố (Nước mắm, khô, hàng chế biến),...vv

b. Khó khăn:

- Do công nợ và những vấn đề tồn đọng cũ đến nay vẫn chưa được giải quyết nên lỗ lũy kế vẫn kéo dài. Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến những khó khăn của Công ty trong nhiều năm qua, một trong những bất lợi là Công ty phải tự lo về nguồn vốn kinh doanh do không được ngân hàng cho vay vốn.

- Tình hình lao động ngành thủy sản ngày càng thiếu, trong năm thường xuyên thiếu lao động trên 100 người nên những khi vào mùa vụ chính thì phải sử dụng thêm lao động khoán nên không ổn định.

- *Về xuất khẩu:* Do thiếu nguồn nguyên liệu hải sản trầm trọng, một số mặt hàng cá nuôi thì không đạt tiêu chuẩn về kháng sinh, hàng nông sản khan hiếm, giá nguyên liệu tăng cao, các nước nhập khẩu ngày càng tăng cường kiểm tra về chất lượng sản phẩm,... nên khách hàng yêu cầu chất lượng ngày càng cao.

- Giá cả nguyên liệu hải sản tăng kéo theo nguyên liệu thủy sản nước ngọt tăng trong khi giá thủy hải sản xuất khẩu của Việt Nam nói chung và APT nói riêng không tăng được do cạnh tranh giá cả với các nước trong khu vực.

- Quy định về IUU của Châu Âu (*các hoạt động đánh bắt cá bất hợp pháp, không có báo cáo và không được quản lý*) dẫn đến các bộ ngành siết chặt việc kiểm tra tàu thuyền đánh bắt hải sản tuân theo qui định IUU đã ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nguyên liệu hải sản cung ứng cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Hiện nay, Chính phủ đang nỗ lực để tháo gỡ "thẻ vàng" thủy sản của Ủy ban châu Âu (EC) vì nếu không được gỡ thẻ vàng, thậm chí bị nâng mức cảnh báo thẻ đỏ thì sẽ ảnh hưởng lớn đến thị trường xuất khẩu của thủy sản, ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế và đời sống người dân.

- *Về thị trường nội địa:* Giá nguyên liệu đầu vào không ổn định với xu hướng ngày một tăng cao nhưng giá bán vào các siêu thị phải ổn định trong thời gian dài hàng năm, đây là khó khăn về thị trường nội địa trong đàm phán kinh doanh do thường các doanh nghiệp Việt Nam phải phụ thuộc vào chính sách của Hệ thống siêu thị.

- *Về sản xuất:* Không những Công ty thiếu nguyên liệu mà hầu hết số khách hàng lớn của Công ty cũng gặp tình trạng thiếu nguyên liệu đầu vào nên đã ảnh hưởng khá lớn đến năng suất sản xuất gia công trong năm các khách hàng có sản lượng gia công lớn đều giảm hoặc ngưng đặt gia công tại Công ty APT do không đủ nguyên liệu.

- *Về nuôi trồng:* Điều kiện môi trường vẫn không được cải thiện, ô nhiễm ngày càng cao, khó kiểm soát nguồn nước trong quá trình nuôi nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng con giống và định mức FCR do hao hụt con giống cao,...vv

- *Về trang thiết bị, máy móc, cơ sở hạ tầng:* Mặc dù trong năm đã có đã bổ sung, thay thế duy tu đối với một số trang thiết bị nhưng do hầu hết thiết bị đã cũ có tuổi đời hàng chục năm vẫn thường xảy ra hư hỏng, hiệu suất hoạt động giảm dần theo thời gian, chi phí sửa chữa tăng cao nên đây cũng là nguyên nhân làm ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất cũng như lợi nhuận của công tác sản xuất.

- *Về công tác tổ chức, tuyển dụng nhân sự:* Việc tuyển dụng lao động ngày càng khó khăn do đặc thù của ngành đòi hỏi ở người lao động nữ, cần mẫn, khéo léo, chịu khó, và môi trường làm việc lạnh và ẩm ướt..... Người lao động cũ có tay nghề đến tuổi nghỉ hưu cũng nhiều, số lao động tuyển mới thì tay nghề yếu cần phải được đào tạo và cần có thời gian thích nghi nên năng suất không cao và thường không gắn bó nên biến động liên tục. Đây cũng là một trong những khó khăn về nguồn lao động trực tiếp của Công ty.

3. Tổ chức nhân sự:

Danh sách Ban điều hành: Ban Tổng Giám Đốc gồm 04 người bao gồm một Tổng Giám Đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc.



3.1. Ông Trương Tiên Dũng: Tổng Giám đốc.

- Sinh ngày: 23/11/1975.
- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: Nam.
- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện vốn nhà nước*): 1.584.000 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ 18% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật, Thạc sĩ Kinh tế.

*. Quá trình công tác:

- Từ tháng 06/2000: Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty CP XNK TH&ĐT TP.HCM (Imexco).

- Từ tháng 08/2000: Nhân viên Phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco.
- Từ tháng 05/2001: Tổ trưởng Tổ kinh doanh Hàng nội địa thuộc Phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco.
- Từ tháng 10/2003: Phó phòng Tổ chức Hành chính Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco, Bí thư Đoàn Công ty Imexco.
- Từ tháng 07/2005: Phó Giám đốc Chi nhánh Imexco- Bình Thuận.
- Từ tháng 08/2005: Phó Bí thư Đoàn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn.
- Từ tháng 09/2005: Bí thư Đoàn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn.
- Từ tháng 10/2005 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng Công ty Thương Mại SG (SATRA).
- Từ tháng 10/2007 Ủy viên Ban Thường vụ Thành đoàn TP.HCM.
- Từ ngày 15/07/2009 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ SATRA. **Phó chủ tịch Hội LTTP TP.HCM, Ủy viên HĐQT Công ty CP Lương thực TP.HCM (Foodcosa).**

3.2. Ông Nguyễn Tri Hiếu – Phó Tổng Giám đốc. (nghỉ hưu từ ngày 01/12/2019).

- Sinh ngày 23/11/1959.
- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam.
- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện vốn Nhà nước theo ủy quyền Tổng Công ty TM Sài Gòn TNHH Một thành viên*): 528.000 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ 06 % trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân kế hoạch, Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh.

***. Quá trình công tác:**

- 1977-1981: Bộ đội Quân khu 7 - Chức vụ Trung đội phó, Bí thư Liên Chi đoàn.
- 1981-1982: Học Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh, Bí thư Chi đoàn.
- 1982-1986: Học Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Bí thư Chi đoàn, Ủy viên thường vụ Đoàn khoa Kế hoạch.
- 1986-1988: Cán bộ Phòng Kế hoạch Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn-Imexco.
- 1988-1989: Trưởng tuyến phụ trách các trạm thu mua và chế biến Tuy Phong - Thuận Hải thuộc Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn.
- 1989-1992: Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Xuất nhập khẩu Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn kiêm Phó Giám đốc Công ty liên doanh Thủy sản Chí Công (liên doanh giữa Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn với Công ty Thủy sản Tuy Phong - Thuận Hải và Liên hiệp công ty XNK Thủy sản Thuận Hải).

1992-1994: Thành viên Ban thanh lý Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn.

1994-1997: Phó phòng, Trưởng phòng Kinh doanh XNK Xí nghiệp Đông lạnh I thuộc Công ty Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn.

1997-2004: Phó phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn.

2004-2014. Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty CP Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn.

2014-11/2019. Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn.

3.3. Ông Ngô Văn Khương: Phó Tổng Giám đốc.

- Sinh ngày: 24/11/1972

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: Nam.

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu: 0 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ 0,00% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: kỹ sư ngành công nghệ cắt may, chứng chỉ An toàn vệ sinh thực phẩm.

***. Quá trình công tác:**

- Từ 01/07/1996 - 01/02/2000: Nhân viên Xí nghiệp May Vitexco.

- Từ 01/03/2000 - 01/06/2006: Phó phòng Kế Hoạch Xí nghiệp May Vitexco.

- Từ 01/07/2006 - 01/12/2008: Trưởng phòng Công ty TNHH SXTMDV May xuất khẩu An Hội Vitexco.

- Từ 15/10/2009 - 09/09/2010: Trưởng phòng Cung ứng Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải Sản Sài Gòn.

- Từ 10/09/2010 - 01/08/2016: Trưởng phòng Kinh Doanh Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải Sản Sài Gòn.

- Từ 01/08/2016 - 31/12/2016: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải Sản Sài Gòn.

- Từ 01/01/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải Sản Sài Gòn.

3.4. Ông Mai Minh Vương: Phó Tổng Giám đốc.

- Sinh ngày: 02/03/1975.

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam.

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện hợp pháp/ đại diện theo ủy quyền của nhóm cổ đông*): 500 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 0,00568% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Kỹ sư Công nghệ Chế biến Thủy sản, Cử nhân Kinh tế.

***. Quá trình công tác:**

- Từ tháng 02/2000: Công nhân Tổ tiếp nhận Xưởng chế biến.
- Từ tháng 01/2006: Phó Quản đốc Xưởng Đồ hộp thuộc Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi.
- Từ tháng 08/2006: Phó Quản đốc Xưởng Tân Tạo, Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi.
- Từ tháng 10/2009: Quản đốc Xưởng Đông lạnh Thăng Lợi.
- Từ tháng 10/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

3.5. Ông Nguyễn Thành Vinh: Phó Tổng giám đốc. (Được bổ nhiệm từ ngày 01/12/2019).

- Sinh ngày: 16/05/1976
- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: Nam.
- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu: 400 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 0,0045% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Thạc sỹ kinh tế

***. Quá trình công tác:**

- Từ năm 1996-2001: Trợ giáo – Trường Trung học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh- Phó Bí thư Đoàn Trường.
- Từ năm 2001-2004: Chuyên trách – Phó Bí thư Đoàn Sở Công Nghiệp.
- Từ năm 2004-2007: Chuyên trách – Phó Bí thư Đoàn Tổng Công ty Công nghiệp in và Bao Bì Liksin.
- Từ năm 2007-2008: Phó Bí thư Đoàn Tổng Công ty Công nghiệp in và Bao Bì Liksin – Phó Giám đốc Công ty Hóa Chất TP Hồ Chí Minh.
- Từ năm 2008-2009: Công ty in Lê Quang Lộc.
- Từ năm 2009-2010: Kinh doanh cá nhân.
- Từ năm 2010-2011: Công ty Cổ phần nhựa Sài Gòn.
- Từ năm 2011-2011: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn.
- Từ năm 2011-2014: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.
- Từ năm 2014-30/11/2019: Giám đốc Trung tâm Kinh doanh & Dịch vụ APT - Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.
- Từ 01/12/2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

3.6. Bà Đoàn Thị Thu Hà: Kế Toán trưởng.

- Sinh ngày: 03/07/1977.

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: Nữ.

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện hợp pháp/ đại diện theo ủy quyền của nhóm cổ đông*): 3.900 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ 0,04431% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kinh tế khoa Kế toán Kiểm toán.

* Quá trình công tác:

- Từ tháng 06/2001: Nhân viên kế toán tại Xí nghiệp chế biến thực phẩm thủy sản Bình Thới, trực thuộc Công ty Kinh doanh Thủy hải sản.

- Từ tháng 11/2005: Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến thực phẩm thủy sản Bình Thới.

- Từ tháng 01/2007: Tổ trưởng kế toán Phòng Kế toán Công ty APT

- Từ tháng 09/2009: Kế toán tổng hợp

- Từ tháng 09/2010: Phó phòng Kế toán Tài chính

- Từ tháng 01/2016 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Kế toán Tài chính Công ty.

- Những thay đổi trong Ban điều hành: không có

- **Số lượng Người lao động. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với Người lao động.**

Tổng số lao động Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019 là 347 người, trong đó:

STT	Phân loại hợp đồng	Số người	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo thời hạn hợp đồng:	347	100
1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	182	52
2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 3 tháng đến 36 tháng	92	27
3	Lao động thời vụ + Thử việc	73	21
II	Phân theo giới tính:	347	100
1	Lao động nam	161	46
2	Lao động nữ	186	54
III	Phân theo trình độ:		

STT	Phân loại hợp đồng	Số người	Tỷ trọng (%)
1	Sau đại học, đại học	52	15
2	Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	48	14
3	CNKT và trình độ khác	247	71

Nguồn: P.TCHC APT

❖ Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho Người lao động



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHĂM LO ĐỜI SỐNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

a. Chính sách đào tạo:

Đào tạo bên trong: được tổ chức tại Công ty với hình thức đào tạo là ngắn hạn và tập trung. Nội dung đào tạo là nâng bậc tay nghề, quản lý sản xuất, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: KCS, cán bộ từ tổ phó trở lên, công nhân.

Đào tạo bên ngoài: Gửi đi đào tạo tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp; Hình thức đào tạo: dài hạn, ngắn hạn; Nội dung đào tạo: chế biến thủy sản, tài chính kế toán, quản trị kinh doanh, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: Cán bộ quản lý, nhân viên các Phòng ban, KCS. Toàn bộ kinh phí đào tạo do Công ty đài thọ.

Đến nay hầu hết cán bộ quản lý tại các Phòng ban, Xưởng đều đã học qua các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Việc đào tạo được tiến hành kết hợp song song với việc tích cực áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, SSOP.

b. Chính sách tiền lương, thưởng:

- Tiền lương: Được trả trực tiếp cho người lao động, gồm: Công nhân trực tiếp sản xuất; được trả lương theo sản phẩm làm ra. Cán bộ quản lý, nhân viên văn phòng; được trả lương theo hệ số công việc do Công ty ban hành.

- Chế độ ngoài lương chính: Làm thêm giờ, làm thêm ngày chủ nhật, tiền ăn giữa ca, nghỉ phép, nghỉ lễ ... theo Luật lao động.

- Thưởng: Công ty áp dụng chính sách thưởng định kỳ vào cuối năm và thưởng đột xuất. Áp dụng đối với các trường hợp có thành tích xuất sắc trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm, mức thưởng căn cứ vào thành tích và hiệu quả mang lại.

c. Chính sách trợ cấp:

Công ty trợ cấp đột xuất cho các trường hợp người lao động bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn lao động, thiên tai hỏa hoạn, Công ty xét trợ cấp trên cơ sở đề nghị của Ban Chấp hành Công đoàn.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có

b. Các Công ty con, Công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết). Không có.

5. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm/
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	170.650.774.791	169.555.848.585	99%
Doanh thu thuần	290.789.362.565	352.560.837.957	121%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-35.751.988.557	-106.364.560.899	
Lợi nhuận khác	-17.532.814	179.171.810	1.022%
Lợi nhuận trước thuế	-35.751.988.557	-106.364.560.899	
Lợi nhuận sau thuế	-35.751.988.557	-106.364.560.899	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> :	0.14	0.13	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	0.08	0.10	
Nợ ngắn hạn			

2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	4.15	4.80	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	7.9	8.96	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân.	1.70	2.08	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần: 8.800.000 cổ phần trong đó không có cổ phần hạn chế chuyển nhượng, tất cả số cổ phần trên đều là cổ phần phổ thông.

b. Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2019

Danh mục	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%
Vốn nhà nước do Tổng công ty Thương mại Sài Gòn – Satra làm đại diện	2.640.198	30,00	Không có		2.640.198	30,00
Cổ đông nội bộ (23 người)	38.700	0,44			38.700	0,44
Cổ đông bên ngoài (423 người)	6.121.402	69.56			6.126.402	69.62
Tổng cộng	8.800.000	100,00	-	-	8.800.000	100

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
- e. Các chứng khoán khác: Không có.

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

7.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

7.2. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 6.230.000 KWh

7.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)
25.700 m³

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Nước cấp KCN Tân Tạo: 11.600 m³

- Nước giếng: 24.100m³

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

7.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty).

1. Đánh giá tình hình thực hiện:

Những mặt làm được:

Công tác điều hành:

Mặc dù có những khó khăn thách thức nhưng Ban Điều hành Công ty đã tận dụng những ưu điểm, những thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn để thực hiện công tác điều hành Công ty đạt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2019:

- Định hướng đúng đắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm phát triển thị trường và thương hiệu APT.

- Được sự đồng thuận của HĐQT, BKS. Công ty đã sử dụng nguồn khấu hao tích lũy để đầu tư mới và nâng cấp một số hạng mục về trang thiết bị, máy móc, nhà Xưởng để tăng năng lực sản xuất, đảm bảo tính cạnh tranh,...

- Về cơ bản kết quả thực hiện năm 2019 tăng so với cùng kỳ năm 2018, về doanh thu thuần đạt 101,20%/KH năm – 121,20% so với cùng kỳ 2018.

- Bộ máy tổ chức, nhân sự được điều chỉnh, điều chuyển cho phù hợp với yêu cầu thực tế, ngày càng đáp ứng yêu cầu về chất lượng công việc. Cán bộ quản lý được rèn

dũa qua kiêm nhiệm, điều chuyển ở nhiều vai trò, vị trí. Đến nay, một số cán bộ quản lý có thể được điều động đảm nhiệm từ 02 đến 03 vị trí công việc.

- Trong năm, thông qua các Hội chợ xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, Hội Chợ Hàng Việt nam chất lượng cao năm 2019 tại TP.HCM và Gia Lai, Hội Chợ Tôn Vinh Hàng Việt. Foodexpo 2019 dưới mô hình Ngôi nhà chung SATRA, Công ty đã được khách hàng, người tiêu dùng quan tâm, đánh giá cao về chất lượng sản phẩm và đạt nhiều thành tích nhất định như được người tiêu dùng bình chọn **“Hàng Việt nam chất lượng cao”**, **“Hàng Việt nam chất lượng cao – chuẩn hội nhập”**, sản phẩm nước mắm Bản Việt đạt **“Sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu TP.HCM năm 2019”**, **“Doanh nhân TP.HCM tiêu biểu năm 2019”**, Giải thưởng **“Sản phẩm, dịch vụ thương hiệu Việt tiêu biểu”**, hưởng ứng cuộc vận động **“Người Việt ưu tiên dùng hàng Việt Nam”**. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố 3 nhóm hàng: Nước mắm, khô, hàng chế biến.

- Từng bước xây dựng công tác thị trường, quảng bá thương hiệu đi vào chuyên nghiệp hơn, áp dụng công nghệ thông tin trong công tác thị trường, mở kênh Fanpage: facebook.com/APTFOODS, youtube.com/APTFOODS,... Tham gia nhiều chương trình phát triển thị trường nhằm quảng bá thương hiệu APT. Đến nay, hàng hóa của Công ty đã có mặt trên khắp các hệ thống Satrafoods, tăng số lượng mặt hàng vào hệ thống Coop, Big C...

- Ban Điều hành phối hợp các Đoàn thể quan tâm đến đời sống, tinh thần, tạo môi trường làm việc tốt nhất cho Người lao động. Luôn tạo mọi điều kiện để các Đoàn thể, Người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, được tham gia các hoạt động phong trào của Công ty, tạo sự đồng thuận, đoàn kết, nhất trí trong toàn Công ty; Thực hiện đầy đủ các chính sách về an sinh xã hội cho người lao động.

1.1. Công tác điều hành:

1.1.1. Về công tác điều hành chung:

Mặc dù trong năm 2019 Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Nhưng với sự đoàn kết đồng lòng của tập thể người lao động dưới sự điều hành quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc Công ty và sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng Quản trị. Công ty đã hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019.

1.1.2. Về công tác xuất khẩu:

- Năm 2019 là năm khó khăn về nguồn nguyên liệu Thủy hải sản. Công ty đã phấn đấu nỗ lực vượt bậc để đạt kết quả kim ngạch xuất khẩu trực tiếp vượt kế hoạch được giao.

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2019 là 6,2 triệu USD. Trong đó toàn bộ là kim ngạch xuất khẩu trực tiếp tăng 110,8 % so với cùng kỳ năm 2018 và đạt 103,3% so với kế hoạch 2019.

- Kết quả kinh doanh xuất khẩu trực tiếp năm 2019 đã có sự phát triển hơn so với cùng kỳ năm 2018 do Ban Tổng giám đốc Công ty đã phân công trách nhiệm rõ ràng từ người lãnh đạo đến từng tập thể, cá nhân...vv

1.1.3. Về công tác kinh doanh nội địa:

- Mặc dù tình hình kinh doanh nội địa có nhiều khó khăn. Tuy nhiên với việc tuân thủ đúng đắn chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc về định hướng chiến lược cung cấp thực phẩm an toàn cho bữa ăn hàng ngày của mỗi gia đình. Năm 2019

Kinh doanh nội địa đã tạo bước chuyển mình tích cực tạo nên hình ảnh thương hiệu cho sản phẩm và cho Công ty góp phần đem lại nhiều danh hiệu, bằng khen, giấy khen. Đây là một sự nỗ lực lớn trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt của Thị trường nội địa và tình hình khó khăn của Công ty.

- Kinh doanh nội địa đã cung ứng nhiều hàng hóa chất lượng cho thị trường nội địa. Công ty đã thực hiện giải pháp chuyển đổi cơ cấu doanh thu, quan tâm phát triển đối với mặt hàng nước mắm, tăng doanh thu hàng tươi sống. Mặt hàng tươi sống đã có sự tăng trưởng vượt bậc, đã tăng được nhiều điểm bán vào Coop, Satra. Logo APT được gắn tại khu vực hàng THS tươi sống của hơn 200 cửa hàng Satrafoods, Siêu Thị Satra 3/2, Coop góp phần quảng bá thương hiệu APT. doanh thu Kinh doanh nội địa đạt khoảng 151 tỷ đồng đạt 113,3% KH 2019 và 112,8% so cùng kỳ 2018.

- Công ty đã tham gia tốt chương trình bình ổn giá của Thành phố năm 2019 được Sở Công thương kiểm tra và đánh giá cao cho phép tiếp tục tham gia chương trình bình ổn giá năm 2020.



1.1.4. Về công tác Marketing:

Đây là một nỗ lực hết sức lớn của Công ty trong điều kiện nguồn kinh phí hết sức hạn hẹp. Công tác Marketing đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

- Kênh truyền thông online đã được áp dụng để quảng bá thương hiệu APT như Website, fanpage,... đến nay đã giúp thương hiệu và sản phẩm APT được khá nhiều khách hàng thường xuyên theo dõi thông tin.

- Tham gia nhiều phiên Hội chợ như Hội Chợ Hàng Việt nam chất lượng cao năm 2018 tại TP.HCM và Gia Lai, Hội Chợ Tôn Vinh Hàng Việt. Foodexpo 2019 dưới mô hình Ngôi nhà chung SATRA,...vv để làm công tác quảng bá cho thương hiệu APT.

- Sản phẩm của Công ty được chọn là sản phẩm công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố 3 nhóm: Nước mắm, khô, hàng chế biến.



o Cáo Thường Niên năm 2019

Công ty đã tham gia ứng cử và đã được xét duyệt các danh hiệu như Doanh nghiệp TP.HCM tiêu biểu năm 2019, doanh nhân TP.HCM tiêu biểu năm 2019. Sản phẩm dịch vụ thương hiệu Việt Tiêu biểu của Bộ Công Thương.

- Công ty đã tiếp tục năm thứ hai đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao chuẩn hội nhập, và tiếp tục đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2019.



- Doanh nghiệp phát triển bền vững 42 năm do Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố trao tặng.



1.1.5. Về công tác nuôi trồng:

- Mặc dù thời tiết thất thường nhưng Xí nghiệp Nuôi trồng đã bảo đảm tình hình nuôi trong năm ổn định, FCR đảm bảo trong định mức, tỷ lệ size cá điều hồng 800gr – up cao nên giá thành tốt. Các mặt hàng nuôi được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng và chủ yếu là cung cấp cho xuất khẩu (200 tấn cá Trê, 200 tấn cá Điều Hồng).

- Các sản phẩm như cá điều hồng, cá trê của Công ty là những sản phẩm sạch và chất lượng, được khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm.

- Xí nghiệp nuôi trồng tiếp tục được công nhận chuỗi sản phẩm an toàn của Thành phố.

1.1.6. Về hoạt động sản xuất gia công:

- Trong năm 2019, công tác sản xuất có quá nhiều khó khăn, nhất là lĩnh vực gia công. Trong năm, nguồn nguyên liệu khan hiếm (*các mặt hàng cá biển, mực, bạch tuộc,...*), đa số các khách hàng gia công đều tạm ngưng sản xuất do thiếu nguyên liệu, giá cao, nên sản lượng sản xuất giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2018, doanh thu chỉ đủ để trả lương, điện nước, nguyên liệu vật tư bao bì, một phần chi phí khấu hao do đó bị lỗ.

- Với những khó khăn trên, các đơn vị sản xuất đã tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm tối đa chi phí Bộ phận sản xuất đã cố gắng tìm thêm khách hàng mới để đảm bảo kế hoạch sản xuất. Đã kết nối làm việc & sản xuất mẫu cho một số khách hàng mới, khách gia công nước ngoài với những mặt hàng mới về thủy sản, nông sản, gia súc, gia cầm,... Tuy nhiên, do một số điều kiện khách quan nên sản lượng không ổn định và mang tính thời vụ.

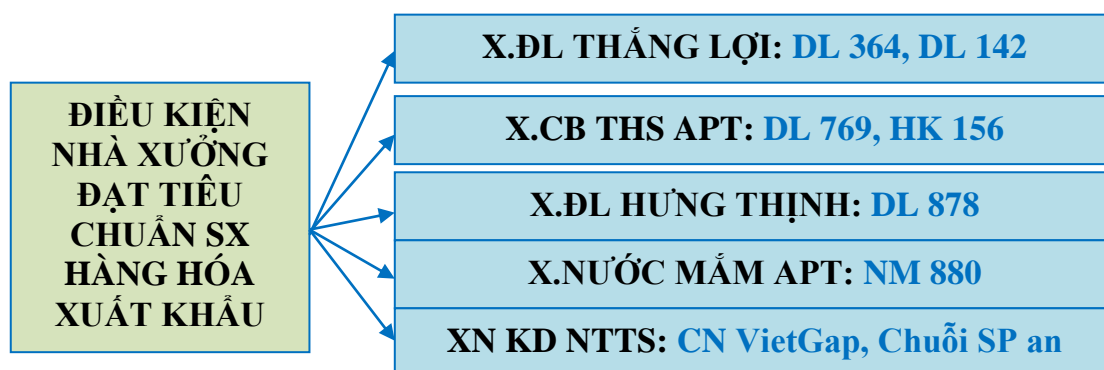
1.1.7. Về công tác khai thác kho và dịch vụ:

Tuy cũng có nhiều khó khăn nhưng về cơ bản đã được khai thác triệt để, công tác quản lý và khai thác kho đã được chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế như công tác chất xếp, lưu trữ, ..., tiếp tục duy trì và có thêm giải pháp để tăng cường hơn công tác quản lý đem lại hiệu quả tốt nhất cho Công ty.

1.1.8. Về công tác quản lý chất lượng:

Thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát An toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, nhằm giữ ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm của Công ty cung cấp ra thị trường nội địa và xuất khẩu.

Trong năm đã hoàn tất hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm cho các code DL 364, DL 769, HK 156 do Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản Thủy sản cấp.



1.1.9. Công tác đầu tư sửa chữa:

Công ty mạnh dạn đầu tư, nâng cấp và bổ sung máy móc, nhà xưởng bảo đảm duy trì điều kiện sản xuất đạt tiêu chuẩn code châu Âu và an toàn vệ sinh thực phẩm. Định hướng đúng đắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước, tạo uy tín thu hút khách hàng, xây dựng thương hiệu APT ngày càng phát triển. Trong năm tài chính 2019, Công ty chưa thực hiện hết chương trình đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt do gặp khó khăn. (Kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, máy móc năm 2019 được HĐQT duyệt là 7,5 tỷ đồng; Tổng giá trị thực hiện trong năm 2019 là 5,6 tỷ đồng bằng 74,6% so với kế hoạch).

1.1.10. Công tác tổ chức:

Kịp thời điều chỉnh cơ cấu tổ chức, nhân sự cho phù hợp chức năng, nhiệm vụ của từng Phòng ban, Đơn vị trực thuộc Công ty; nâng vai trò trách nhiệm, năng lực của cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu trong mọi thời điểm; Hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ luôn được sửa đổi, bổ sung phù hợp với pháp luật hiện hành.

Xây dựng định biên nhân sự của từng Phòng, Đơn vị. Nhằm chuẩn bị nguồn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lâu dài, tạo nguồn cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí nhân sự phù hợp.

Công tác tổ chức ổn định, kịp thời điều động, sắp xếp lại các nhân sự cho phù hợp với yêu cầu công việc, cơ cấu tổ chức để đảm bảo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.

Công ty đã hoàn chỉnh hệ thống thang bảng lương đóng bảo hiểm theo quy định mới, đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách theo đúng quy định của pháp luật.

Công tác PCCC và Phòng chống bão lũ luôn được quan tâm và thường xuyên triển khai thực hiện. Thông qua các Đoàn thể, thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức NLĐ về an toàn – vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, các phương tiện phòng chống cháy nổ, xây dựng đầy đủ nội quy, quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

2. Tình hình tài chính:

Đến thời điểm 31/12/2019. Công ty đang lỗ lũy kế là 734.801.386.250 đồng. làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 644.969.563.949 đồng và các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 706.407.652.544 đồng

a. Tình hình tài sản:

- Công ty đã kiểm soát tốt tình hình công nợ phát sinh, không để công nợ tồn đọng kéo dài. Đơn đốc thu hồi công nợ khó đòi cũ.

- Quản lý tốt luân chuyển hàng hóa tồn kho, hạn chế phát sinh hàng tồn kho lâu ngày, kém và mất phẩm chất.

- Bộ máy tài chính kế toán của Công ty ngày càng tinh gọn, quy chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với tình hình tài chính hiện nay của Công ty.

- Tiếp tục phối hợp Tổng Công ty TM Sài Gòn TNHH MTV tập trung công tác hoàn tất hồ sơ để quyết toán giai đoạn Nhà nước.

- Với những khó khăn về vốn, không vay được vốn ngân hàng do những tồn tại cũ. Công ty cân đối và sử dụng mọi nguồn vốn hiện có cho sản xuất kinh doanh một cách hợp lý và hiệu quả theo hướng chủ động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn.

b. Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/

* Nợ phải trả Tổng công ty TM Sài Gòn TNHH MTV.

- Theo số liệu trong giai đoạn đối chiếu, hoàn tất hồ sơ quyết toán giai đoạn Nhà nước, APT còn khoản công nợ phải trả SATRA là **26.765.067.131 đồng**, gồm:

+ Lãi vay vốn kinh doanh	24.799.354.131 đồng
+ Cổ tức năm 2007:	1.965.713.000 đồng

- Về khoản cổ tức năm 2007 là 1.965.713.000 đồng: Đây là khoản tiền cổ tức năm 2007 chia cho vốn Nhà nước, được tính căn cứ vào Kết quả kinh doanh năm 2007. Tuy nhiên, theo kết quả kiểm tra Báo cáo Tài chính Công ty APT năm 2007 của Kiểm toán nhà nước thì năm 2007 Công ty bị lỗ 8.129.254.054 đồng. Do đó, **Hội đồng Quản trị Công ty đã có thông báo gửi cổ đông (bao gồm Satra) không trả số cổ tức năm 2007** nói trên và có báo cáo cổ đông tại đại hội về việc thu hồi cổ tức đã chi năm 2007. Thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2019 về việc thu hồi số cổ tức năm 2007 đã chi. Công ty đã trích lục địa chỉ theo danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2007 và gửi văn bản yêu cầu hoàn trả cổ tức năm 2007 đã nhận. Tuy nhiên do các cổ đông cũ sau hơn 10 năm thay đổi địa chỉ nên đến nay Công ty vẫn chưa thể thu hồi được.

Nợ ngân sách: **14.393.716.398 đồng:**

- Phải trả Sở Tài chính khoản vốn cấp xây dựng Nhà máy Tân Tạo sau khi đã xác định GTDN: 11.178.114.000 đồng

- Phải trả Tổng Công ty TM Sài Gòn TNHH MTV các khoản công nợ còn treo gác từ trước khi chuyển thể (*căn cứ Biên bản họp BCD CPH ngày 26/9/2018*): 3.215.602.398 đồng.

- Tuy nhiên theo dự thảo Biên bản kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước thì số phải nộp về là 29.384.626.854 đồng trong đó phát sinh các khoản bị truy thu từ giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước là 14.990.910.456 đồng.

- Các khoản nợ này Công ty phải trả ngay về ngân sách sau khi hoàn thành Quyết toán chuyển thể giai đoạn doanh nghiệp Nhà Nước. Hội đồng Quản trị cũng đã chỉ đạo Ban điều hành xây dựng các phương án trả nợ có thời hạn nhằm đề xuất các cơ quan chức năng xem xét.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (đối với công ty cổ phần)

1. Công tác kế hoạch đầu tư:

- Công ty mạnh dạn đầu tư, nâng cấp và bổ sung máy móc, nhà xưởng bảo đảm duy trì điều kiện sản xuất đạt tiêu chuẩn code châu Âu và an toàn vệ sinh thực phẩm. Định hướng đúng đắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước, tạo uy tín thu hút khách hàng, xây dựng thương hiệu APT ngày càng phát triển.

- Trong năm tài chính 2019, Công ty chưa thực hiện hết chương trình đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt do gặp khó khăn.

+ Kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, máy móc năm 2019 được HĐQT duyệt là 7,5 tỷ đồng; Tổng giá trị thực hiện trong năm 2019 là 5,6 tỷ đồng (74,6% KH).

2. Về công tác khởi kiện, thu hồi công nợ, giải quyết khoản nợ vay Ngân Hàng Sacombank (Ngân hàng Phương Nam trước đây):

2.1. Công tác khởi kiện, thu hồi công nợ:

- Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục thúc đẩy các vụ kiện đòi nợ, yêu cầu các đối tượng phải thi hành án đối với các bản án đã có hiệu lực của Tòa án.

- Tính đến ngày 31/12/2019, nợ phải thu khó đòi theo kết luận số 400-KL của Thanh tra Thành phố còn lại gần **90 tỷ đồng**. Khoản công nợ khó đòi trên đã được trích lập dự phòng 100% và đã khởi kiện ra TAND, THA yêu cầu thanh toán nợ.

- Với mọi giải pháp và nỗ lực, trong năm 2019 Công ty tiếp tục đeo bám để giải quyết các hồ sơ đã khởi kiện, đang thi hành án và đã thu được **hơn 107 triệu đồng**, các vụ việc đang thi hành án còn lại có khả năng thu hồi nợ là rất thấp do những người phải thi hành án không còn tài sản cũng như không có khả năng để trả cho Công ty hoặc đã qua đời không để lại di sản thừa kế. Các vụ việc người phải thi hành án có tài sản nhưng tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm khoản vay với ngân hàng nên theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm, các tài sản này phải được ưu tiên khi thanh lý sẽ trả cho các khoản vay của ngân hàng, sau khi đã trả xong cho ngân hàng thì mới đến các chủ nợ khác. Mặt khác, qua kết quả các vụ kiện để thu hồi nợ, Công ty thấy các khoản vay ngân hàng của các bị đơn thường cao hơn giá trị hiện tại của các tài sản bảo đảm này nên rất khó xử lý các tài sản này để thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty.

2.2. Công tác giải quyết công nợ quá hạn phải trả:

- Theo Báo cáo kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2019 của Công ty APT, đến thời điểm 31/12/2018 số liệu nợ phải trả quá hạn là **788.644.789.205 đồng**,

+ Nợ Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV: **26.765.067.131 đồng**

+ Nợ Ngân hàng TMCP Sacombank: **745.922.800.000 đồng**

+ Nợ ngân sách: **14.393.716.398 đồng**

- Các khoản nợ Ngân sách Công ty phải trả sau khi hoàn thành Quyết toán chuyển thể giai đoạn DNNN. HĐQT cũng đã chỉ đạo Ban điều hành xây dựng các phương án trả nợ có thời hạn nhằm đề xuất các cơ quan chức năng xem xét.

- Đối với khoản nợ Ngân hàng Sacombank Các giải pháp xử lý nợ trước đây như chuyển nợ vay thành vốn góp điều lệ, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm thực hiện việc tái cấu trúc Công ty theo chỉ đạo của UBND Thành phố mặc dù đã được Đại hội đồng cổ đông APT thông qua và xây dựng thành các phương án đều không thể thực hiện được do cơ chế pháp lý hiện nay không cho phép thực hiện

- Hiện Công ty đang đề xuất phương án hai bên cùng tìm kiếm nhà đầu tư mua lại khoản nợ vay này.

- Hội đồng Quản trị nhận thấy: Trong điều kiện Công ty APT vẫn còn quá nhiều khó khăn về tình hình tài chính, trong điều kiện không vay được vốn kinh doanh nhưng vẫn phải tiếp tục duy trì hoạt động SXKD, ổn định công việc làm cho 500 lao động trong những năm qua là một nỗ lực không ngừng của HĐQT, Ban điều hành và Người lao động Công ty. Việc phải thanh toán các khoản phải trả Ngân sách Nhà Nước, nợ lãi cho SATRA và các khoản nợ phải trả đã quá hạn Ngân hàng Sacombank đối với Công ty APT là rất khó thực hiện, nằm ngoài khả năng Công ty. Nếu không có giải pháp tài chính phù hợp sẽ làm ảnh hưởng dẫn đến ngừng trệ mọi hoạt động của Công ty, làm cho hàng trăm người lao động sẽ mất công ăn việc làm gây bất ổn xã hội.

3. Báo cáo thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty tại UPCOM:

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Công ty đã hoàn tất việc đăng ký giao dịch cổ phiếu APT tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 322/QĐ-SGDHN ngày 30/5/2019. Ngày giao dịch đầu tiên Thứ Sáu 07/6/2019, Tuy nhiên do Công ty APT bị âm vốn chủ sở hữu nên cổ phiếu Công ty bị hạn chế giao dịch theo thông báo số 613/TB-SGDHN ngày 06/6/2019 và chỉ được giao dịch vào phiên Thứ 6 hàng tuần.

4. Đánh giá về Ban Tổng Giám đốc:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng các chủ trương, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty đề ra, đã có nhiều cố gắng điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.

- Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành của Công ty đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, nghị quyết Hội đồng Quản trị, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh, chăm lo tốt đời sống người lao động, không để xảy ra các cuộc đình công. Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo các vấn đề đột xuất xảy ra trong Công ty để Hội đồng Quản trị nắm bắt và có chỉ đạo kịp thời.

5. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị:

- Chỉ đạo, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.

- Lãnh đạo Ban điều hành phối hợp với chủ sở hữu vốn Nhà nước sớm quyết toán chuyển thể giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước.

- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng, thực hiện tốt các kế hoạch, phương án ứng phó với đại dịch Covid-19 nhằm bảo đảm an toàn cho người lao động, duy trì hoạt động liên tục của Công ty.

- Chủ động, linh hoạt trong việc chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và các năm tiếp theo. Hội đồng Quản trị sẽ căn cứ vào tình hình thực tế, diễn biến đại dịch Covid-19 để điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch cho phù hợp.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành thực hiện sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tuyển dụng lao động giỏi, có kinh nghiệm, tay nghề đi đôi với tinh giản biên chế, tiết kiệm chi phí để tăng thu nhập cho Người lao động, tiếp tục xây dựng các phương án đầu tư đổi mới trang thiết bị nhằm tăng năng suất lao động, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Tìm kiếm các phương án, giải pháp để xử lý khoản nợ vay với Ngân hàng Sacombank (Ngân hàng Phương Nam trước đây), hoàn trả ngân sách Nhà Nước, xử lý nợ với Tổng công ty TM Sài Gòn TNHH MTV.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:



Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017, các thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2017-2022) được bầu theo danh sách như sau:

1. Ông Trần Phát Minh - Chủ tịch HĐQT.

- Thành viên không điều hành.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

2. Ông Trương Tiến Dũng - Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.584.000 Cổ phần (đại diện vốn Nhà nước) chiếm tỷ lệ 18 %.

3. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy - Thành viên HĐQT

- Thành viên không điều hành.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Ông Trần Phát Minh đã có đơn xin từ nhiệm và được Đại hội biểu quyết chấp thuận. Ông Hoàng Văn Vỹ đã được Đại hội bầu chọn là thành viên Hội đồng Quản trị mới thay thế Ông Trần Phát Minh. Sau đó Hội đồng Quản trị cũng đã bầu Ông Trương Tiến Dũng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Đại hội đồng cổ đông cũng đã biểu quyết chấp thuận cho Ông Trương Tiến Dũng Chủ tịch Hội đồng Quản trị được tiếp tục giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty trong thời hạn cho phép của nghị định 71/2017/NĐ-CP.

1.2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022) được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 bầu ra ngày 15/4/2017 gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên không trực tiếp điều hành. Việc thông tin, trao đổi tình hình giữa các thành viên trong năm vừa qua luôn kịp thời, minh bạch rõ ràng, phục vụ tốt cho việc hoạch định chủ trương, chính sách cũng như tạo sự đoàn kết, gắn bó trong Hội đồng Quản trị.

- Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã họp thường lệ, lấy ý kiến bằng văn bản 05 phiên để quyết định những vấn đề quan trọng, cấp bách liên quan đến công tác quản trị, điều hành của Công ty.

Sau đây là một số nghị quyết, quyết định quan trọng đã được Hội đồng Quản trị Công ty thông qua:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung chính
01	01/QĐ-HĐQT	11/3/2019	Thành lập Ban tổ chức ĐHCĐ năm 2019
02	01/NQ-HĐQT	11/3/2019	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2019
03	02/NQ-HĐQT	25/3/2019	Chấp thuận đơn từ nhiệm của Ông Trần Phát Minh Chủ tịch HĐQT
04	03/NQ-HĐQT	01/8/2019	Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019
05	04/NQ-HĐQT	28/11/2019	Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019
06	05/NQ-HĐQT	28/11/2019	Chấp thuận Ông Nguyễn Thành Vinh giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc.
07	06/NQ-HĐQT	28/11/2019	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020
08	05/QĐ-HĐQT	28/11/2019	Thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc của Ông Nguyễn Tri Hiếu
09	06/QĐ-HĐQT	28/11/2019	Bỏ nhiệm Ông Nguyễn Thành Vinh giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc

2. Ban Kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

(Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

BAN KIỂM SOÁT



1. Ông Bùi Tấn Định: - Trưởng Ban Kiểm soát.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 4,54%
2. Bà Đỗ Ngọc Nga - Thành viên Ban Kiểm soát
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
3. Bà Lê Thị Thùy Trang - Thành viên Ban Kiểm soát.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 04% (Đại diện vốn nhà nước).

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đã nhận được đầu đủ các thông tin và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị (HDQT), Báo cáo kết quả kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty.

- Các thành viên Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị Công ty; Giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, việc chỉ đạo và triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Trên cơ sở giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kiến nghị những vấn đề có liên quan đến công tác quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty; Báo cáo tài chính của Công ty năm 2019.

- Ban kiểm soát đã xem xét và đánh giá việc thực hiện đầu tư của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành là đúng đắn và đem lại hiệu quả cho Công ty trong năm tài chính 2019.

- Ban Kiểm soát duy trì độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình. Trong năm, Ban Kiểm soát cũng chưa nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HDQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty.

Qua công tác kiểm tra, giám sát. Ban kiểm soát đã nhận thấy Công ty đã tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

2.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát:

- Ngoài các khoản công tác phí phục vụ cho hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không nhận bất kỳ khoản lương, thù lao nào khác.

+ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

+ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

+ Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty đã ban hành Quy chế quản trị Công ty vào năm 2012 và dự kiến sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

VI. Báo cáo Tài chính:

Ý kiến của kiểm toán.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn được lập ngày 06 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm 2018, chúng tôi đã đưa Ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán liên quan đến các vấn đề về Khả năng hoạt động liên tục của Công ty, các khoản nợ phải thu và phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Những vấn đề này chưa được khắc phục dẫn đến việc Chúng tôi tiếp tục đưa ra Ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính năm 2019, cụ thể như sau

Đến thời điểm 31/12/2019. Công ty đang lỗ lũy kế là 734.801.386.250 đồng. làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 644.969.563.949 đồng và các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 706.407.652.544 đồng. Ngoài ra. Công ty cũng đang có các khoản nợ đến hạn chưa thanh toán như các khoản vay với trị giá 352.360 tỷ đồng, các khoản phải trả ngắn hạn với trị giá 436.367 tỷ đồng. Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên. Báo cáo tài chính năm 2019 vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục dựa trên các cam kết của Ban Tổng Giám đốc. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ của các chủ sở hữu cũng như sự chấp thuận của ngân hàng trong việc tái cơ cấu vốn vay và kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu của Công ty trong thời gian tới.

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán các khoản nợ khó đòi chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ bao gồm: nợ phải thu khách hàng là 71.739.521.917 đồng; công nợ trả trước cho người bán là 5.650.000.000 đồng và nợ phải thu khác là 33.864.021.867 đồng. Toàn bộ số công nợ này đã được trích lập dự phòng 100%. Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2019. Công ty đang theo dõi một số khoản công nợ phát sinh giai đoạn trước cổ phần hóa trên khoản mục Người mua trả tiền trước ngắn hạn số tiền 389.925.937 đồng. Phải trả ngắn hạn khác số tiền là 4.682.309.260 đồng và số tiền 11.267.612.814 đồng các khoản ứng vốn nhà nước xây dựng nhà xưởng trong giai đoạn cổ phần hóa đang chờ quyết toán chưa được đối chiếu, xác nhận. Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

Bên cạnh đó. trong năm 2019. Công ty đang tạm trích trước tiền thuê đất bổ sung cho giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2018 tại khu đất số 49 Ông Ích Khiêm. Phường 10. Quận 11. Thành phố Hồ Chí Minh vào chỉ tiêu "Chi phí bán hàng" với giá trị 2.581.190.880 đồng trong khi chờ thông báo chính thức từ Chi cục thuế địa phương. Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng nếu có của vấn đề này đến các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính do số thuế này có thể thay đổi tùy thuộc quyết định từ các cơ quan chức năng có liên quan.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”. Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2019. Công ty đã thực hiện đánh giá lại khoản nợ vay 5.833 lượng vàng SJC tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) theo giá niêm yết của ngân hàng cho vay. Ngoài ra. Công ty đã

thực hiện trích lập chi phí lãi vay trong năm 2019 cho toàn bộ khoản vay bằng vàng và tiền tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với tổng số tiền là 38.121.977.370 đồng. Số lãi vay này được trích theo lãi suất ký kết trên các hợp đồng vay và chưa tính đến lãi quá hạn.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)

A member of  International

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 -05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005759 đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006 và thay đổi lần thứ 09 vào ngày 23/10/2018 (thay đổi đăng ký kinh doanh sang số 0300523755) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Tiến Dũng	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 25/04/2019)
Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch	(Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2019)
Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy	Ủy viên	
Ông Hoàng Văn Vỹ	Ủy viên	(Bổ nhiệm từ ngày 25/04/2019)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Mai Minh Vương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tri Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm từ ngày 01/12/2019)
Ông Ngô Văn Khương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 01/12/2019)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Bùi Tấn Định	Trưởng ban
Bà Đỗ Ngọc Nga	Thành viên
Bà Lê Thị Thùy Trang	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn

Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trương Tiên Dũng

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn được lập ngày 06 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm 2018, chúng tôi đã đưa Ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán liên quan đến các vấn đề về Khả năng hoạt động liên tục của Công ty, các khoản nợ phải thu và phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Những vấn đề này chưa được khắc phục dẫn đến việc Chúng tôi tiếp tục đưa ra Ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính năm 2019, cụ thể như sau:

- Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty đang lỗ lũy kế là 734.801.386.250 đồng làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 644.969.563.949 đồng và các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 706.407.652.544 đồng. Ngoài ra, Công ty cũng đang có các khoản nợ đến hạn chưa thanh toán như các khoản vay với trị giá 352,360 tỷ đồng, các khoản phải trả ngắn hạn với trị giá 436,367 tỷ đồng. Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính năm 2019 vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục dựa trên các cam kết của Ban Tổng Giám đốc như trình bày tại Thuyết minh số 1. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ của các chủ sở hữu cũng như sự chấp thuận của ngân hàng trong việc tái cơ cấu vốn vay và kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu của Công ty trong thời gian tới.

- Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán các khoản nợ khó đòi chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ bao gồm: nợ phải thu khách hàng là 71.739.521.917 đồng; công nợ trả trước cho người bán là 5.650.000.000 đồng và nợ phải thu khác là 33.864.021.867 đồng. Toàn bộ số công nợ này đã được trích lập dự phòng 100% (chi tiết xem tại Thuyết minh số 5, số 6 và số 7). Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.
- Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang theo dõi một số khoản công nợ phát sinh giai đoạn trước cổ phần hóa trên khoản mục Người mua trả tiền trước ngắn hạn số tiền 389.925.937 đồng (chi tiết xem tại Thuyết minh số 14), Phải trả ngắn hạn khác số tiền là 4.682.309.260 đồng và số tiền 11.267.612.814 đồng các khoản ứng vốn nhà nước xây dựng nhà xưởng trong giai đoạn cổ phần hóa đang chờ quyết toán chưa được đối chiếu, xác nhận (chi tiết xem tại Thuyết minh số 18). Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.
- Bên cạnh đó, trong năm 2019, Công ty đang tạm trích trước tiền thuê đất bổ sung cho giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2018 tại khu đất số 49 Ông Ích Khiêm, phường 10, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh vào chỉ tiêu "Chi phí bán hàng" với giá trị 2.581.190.880 đồng trong khi chờ thông báo chính thức từ Chi cục thuế địa phương. Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng nếu có của vấn đề này đến các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính do số thuế này có thể thay đổi tùy thuộc quyết định từ các cơ quan chức năng có liên quan.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 1 trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại thời điểm 31/12/2019 Công ty đã đánh giá lại khoản nợ vay bằng vàng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và thực hiện trích lập chi phí lãi vay trong năm 2019 cho toàn bộ khoản vay này theo lãi suất ký kết trên các hợp đồng vay.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ của chúng tôi.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thái

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1623-2018-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		105.362.340.609	100.927.096.251
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	13.836.244.463	3.106.080.170
111	1. Tiền		13.836.244.463	3.106.080.170
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		43.000.000.000	23.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04	43.000.000.000	23.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.395.650.161	25.538.113.627
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	91.175.322.329	96.213.597.165
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	5.841.908.000	5.918.717.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	35.611.463.616	34.729.343.246
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(111.233.043.784)	(111.323.543.784)
140	IV. Hàng tồn kho	09	23.293.625.074	43.326.746.455
141	1. Hàng tồn kho		23.295.660.420	43.328.781.801
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.035.346)	(2.035.346)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.836.820.911	5.956.155.999
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	22.975.016	390.251.442
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.751.402.140	5.503.460.802
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	62.443.755	62.443.755
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		64.193.507.976	69.723.678.540
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		130.926.820	46.097.500
216	1. Phải thu dài hạn khác		130.926.820	46.097.500
220	II. Tài sản cố định		48.765.216.606	53.255.586.208
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	48.765.216.606	53.255.586.208
222	- Nguyên giá		130.503.809.562	129.726.484.320
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(81.738.592.956)	(76.470.898.112)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		365.560.000	365.560.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(365.560.000)	(365.560.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	1.090.412.550
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.090.412.550
260	VI. Tài sản dài hạn khác		15.297.364.550	15.331.582.282
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	15.297.364.550	15.331.582.282
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		169.555.848.585	170.650.774.791

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		814.525.412.534	709.255.777.841
310	I. Nợ ngắn hạn		811.769.993.153	705.450.541.841
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	11.432.794.587	11.591.146.047
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.434.160.246	8.831.224.244
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	156.380.158	40.734.644
314	4. Phải trả người lao động		6.323.789.010	5.908.527.262
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.992.275.842	641.357.167
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	685.912.500	685.912.500
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	436.367.185.766	361.422.084.933
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	352.360.750.000	316.312.810.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		16.745.044	16.745.044
330	II. Nợ dài hạn		2.755.419.381	3.805.236.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	2.755.419.381	3.805.236.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(644.969.563.949)	(538.605.003.050)
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	(644.969.563.949)	(538.605.003.050)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		88.000.000.000	88.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		88.000.000.000	88.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.831.822.301	1.831.822.301
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(734.801.386.250)	(628.436.825.351)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		(628.436.825.351)	(592.684.836.794)
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		(106.364.560.899)	(35.751.988.557)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		169.555.848.585	170.650.774.791

Đoàn Thị Thu Hà
 Người lập

Đoàn Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng

Trương Tiến Dũng
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019		Năm 2018	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	353.123.106.507	294.144.220.562		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	562.268.550	3.354.857.997		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		352.560.837.957	290.789.362.565		
11	4. Giá vốn hàng bán	24	298.726.842.693	250.574.127.821		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.833.995.264	40.215.234.744		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	2.113.967.887	2.074.570.508		
22	7. Chi phí tài chính	26	111.067.142.324	35.561.766.611		
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		38.121.977.370	35.561.766.611		
25	8. Chi phí bán hàng	27	37.134.758.601	30.560.413.574		
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	14.289.794.935	11.902.080.810		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(106.543.732.709)	(35.734.455.743)		
31	11. Thu nhập khác	29	203.310.157	151.906.372		
32	12. Chi phí khác	30	24.138.347	169.439.186		
40	13. Lợi nhuận khác		179.171.810	(17.532.814)		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(106.364.560.899)	(35.751.988.557)		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-		
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(106.364.560.899)	(35.751.988.557)		
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(12.087)	(4.063)		

Đoàn Thị Thu Hà
 Người lập

Đoàn Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng

Trương Tiến Dũng
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2020




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

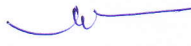
Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		352.068.942.167	297.535.900.336
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(278.452.479.481)	(267.236.846.541)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(35.045.908.300)	(31.628.539.403)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.452.054.722	3.428.166.682
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.778.227.449)	(11.168.953.921)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>30.244.381.659</i>	<i>(9.070.272.847)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.386.885.229)	(1.168.886.032)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		96.363.636	150.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(48.000.000.000)	(23.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		28.000.000.000	18.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.681.490.232	1.972.243.369
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(19.609.031.361)</i>	<i>(4.046.642.663)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>10.635.350.298</i>	<i>(13.116.915.510)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.106.080.170	16.223.346.548
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		94.813.995	(350.868)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	13.836.244.463	3.106.080.170




 Đoàn Thị Thu Hà
 Người lập



 Đoàn Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng





 Trương Tiên Dũng
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005759 đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006 và thay đổi lần thứ 09 vào ngày 23/10/2018 (thay đổi đăng ký kinh doanh sang số 0300523755) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 88.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 88.000.000.000 đồng; tương đương 8.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh các sản phẩm từ thủy sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản;
- Ăn uống; Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến; Dịch vụ ăn uống;
- Cho thuê kho, bãi; Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu;
- Mua bán thủy hải sản; Mua bán thực phẩm; Công nghệ phẩm; Nông sản;
- Chế biến thủy hải sản; chế biến nước mắm, nước chấm;
- Mua bán thủy hải sản, thực phẩm, nông sản.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty đang lỗ lũy kế là 734.801.386.250 đồng làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 644.969.563.949 đồng và các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 706.407.652.544 đồng. Ngoài ra, Công ty cũng đang có các khoản nợ đến hạn chưa thanh toán như các khoản vay với trị giá 352,360 tỷ đồng, các khoản phải trả ngắn hạn với trị giá 436,367 tỷ đồng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng với sự hỗ trợ của chủ sở hữu, sự chấp thuận của ngân hàng trong việc tái cơ cấu vốn vay và kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu của Công ty trong thời gian tới, tình hình tài chính của Công ty sẽ được cải thiện. Do đó, Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định về hoạt động liên tục.

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đã thực hiện đánh giá lại khoản nợ vay 5.833 lượng vàng SJC tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) theo giá niêm yết của ngân hàng cho vay. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện trích lập chi phí lãi vay trong năm 2019 cho toàn bộ khoản vay bằng vàng và tiền tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với tổng số tiền là 38.121.977.370 đồng. Số lãi vay này được trích theo lãi suất ký kết trên các hợp đồng vay và chưa tính đến lãi quá hạn.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy hải sản
Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Chợ Lớn	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy hải sản
Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Bình Thới	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy hải sản
Xí nghiệp thu mua cung ứng Nông hải sản xuất khẩu	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	Mua bán Thủy hải sản
Xí nghiệp Kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	Mua bán Thủy hải sản
Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ APT	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy hải sản
Xưởng chế biến Hải sản	153 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy hải sản
Xưởng chiết rót nước mắm	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	Chế biến nước mắm
Xưởng đông lạnh Hưng Thịnh	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	Chế biến Thủy hải sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm cuối năm căn cứ vào khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng vàng thì thực hiện theo dõi chi tiết theo số lượng vàng.

Các khoản vay bằng vàng của Công ty được đánh giá lại theo tỷ giá vàng niêm yết của ngân hàng cho vay tại ngày kết thúc năm tài chính.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản chiết khấu được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho nhiều năm về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do đánh giá lại gốc vay vàng...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.25 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	197.483.000	323.091.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.638.761.463	2.782.989.170
	<u>13.836.244.463</u>	<u>3.106.080.170</u>

4 . ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	43.000.000.000	43.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000
	<u>43.000.000.000</u>	<u>43.000.000.000</u>	<u>23.000.000.000</u>	<u>23.000.000.000</u>

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31/12/2019 là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất từ 6,2% đến 7,1%/năm.

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn

Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Hệ thống siêu thị Big C	-	-	124.589.806	-
- Hệ thống các siêu thị thành viên Sài Gòn Co.op	1.534.171.587	-	3.584.101.630	-
- Hệ thống siêu thị Satrafoods	871.641.845	-	6.269.843.679	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phước Thành	4.319.539.665	-	1.836.375.100	-
- Công nợ khó đòi từ năm 2007 đến năm 2009	71.739.521.917	(71.739.521.917)	71.809.521.917	(71.809.521.917)
- PACIFIC RIM CO., LTD	-	-	2.595.896.910	-
- PURENFOOD CO., LTD	1.049.480.611	-	4.006.529.575	-
- CHEN FOODS (SORELLE GROUP PTY.,LTD)	1.945.194.495	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Sài Gòn Tây Nam	-	-	197.579.800	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	9.715.772.209	-	5.789.158.748	-
	91.175.322.329	(71.739.521.917)	96.213.597.165	(71.809.521.917)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công nợ ứng trước từ năm 2007 đến năm 2009	5.650.000.000	(5.650.000.000)	5.650.000.000	(5.650.000.000)
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	191.908.000	-	268.717.000	-
	5.841.908.000	(5.650.000.000)	5.918.717.000	(5.650.000.000)

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn

Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Công nợ phải thu khác khó đòi từ năm 2007 đến năm 2009	33.906.171.410	(33.843.521.867)	33.976.671.410	(33.864.021.867)
- Phải thu về lãi tiền gửi	695.243.958	-	281.102.852	-
- Tạm ứng	775.055.000	-	274.158.500	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	60.000.000	-
- Phải thu khác	234.993.248	-	137.410.484	-
	35.611.463.616	(33.843.521.867)	34.729.343.246	(33.864.021.867)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	130.926.820	-	46.097.500	-
	130.926.820	-	46.097.500	-



8 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Bảo Vinh	50.793.016.862	-	50.793.016.862	-
- Hồ Hữu Trí	7.659.225.191	-	7.659.225.191	-
- Trương Văn Ruông	7.845.270.151	-	7.845.270.151	-
- Phan Trọng Hiệp	6.752.377.240	-	6.752.377.240	-
- Võ Lương Phương Trọng	7.485.233.856	-	7.485.233.856	-
- Công nợ phải thu khác	30.810.570.027	112.649.543	30.901.070.027	112.649.543
	111.345.693.327	112.649.543	111.436.193.327	112.649.543

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.491.251.217	(2.035.346)	6.541.059.595	(2.035.346)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.317.359.559	-	2.168.673.158	-
Thành phẩm	17.146.475.967	-	23.461.237.998	-
Hàng hoá	340.573.677	-	11.157.811.050	-
	23.295.660.420	(2.035.346)	43.328.781.801	(2.035.346)



Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn

Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	53.463.371.367	63.233.487.768	9.226.428.820	254.023.720	3.549.172.645	129.726.484.320						
- Mua trong năm	-	1.247.000.000	-	-	-	1.247.000.000						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	139.885.229	-	-	-	-	139.885.229						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(609.559.987)	-	-	-	(609.559.987)						
Số dư cuối năm	53.603.256.596	63.870.927.781	9.226.428.820	254.023.720	3.549.172.645	130.503.809.562						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	23.413.710.715	42.924.567.585	6.528.923.447	254.023.720	3.349.672.645	76.470.898.112						
- Khấu hao trong năm	2.379.566.829	2.808.216.062	575.471.940	-	114.000.000	5.877.254.831						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(609.559.987)	-	-	-	(609.559.987)						
Số dư cuối năm	25.793.277.544	45.123.223.660	7.104.395.387	254.023.720	3.463.672.645	81.738.592.956						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	30.049.660.652	20.308.920.183	2.697.505.373	-	199.500.000	53.255.586.208						
Tại ngày cuối năm	27.809.979.052	18.747.704.121	2.122.033.433	-	85.500.000	48.765.216.606						

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 48.765.216.606 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 43.809.526.779 đồng

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại ngày 31/12/2019, tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và hao mòn lũy kế là 365.560.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản	22.975.016	190.051.014
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	200.200.428
	<u>22.975.016</u>	<u>390.251.442</u>
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo ⁽¹⁾	9.845.027.568	10.209.636.816
Tiền thuê quầy tại chợ Bình Điền chờ phân bổ ⁽²⁾	3.303.464.623	3.405.060.583
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	212.318.099	564.681.871
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.936.554.260	1.152.203.012
	<u>15.297.364.550</u>	<u>15.331.582.282</u>

⁽¹⁾ Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo với tổng diện tích 20.340 m². Khoản tiền thuê này được phân bổ trong thời gian 35 năm.

⁽²⁾ Tiền thuê quầy tại chợ Bình Điền chờ phân bổ được phân bổ trong 50 năm.

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn

Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Võ Văn Tạo	1.314.702.000	1.314.702.000	2.047.913.600	2.047.913.600
- Nguyễn Hoài Lạc	-	-	504.661.520	504.661.520
- Nguyễn Thị Khen	-	-	2.205.860.200	2.205.860.200
- Phạm Văn Trung	748.301.400	748.301.400	1.107.296.000	1.107.296.000
- Mai Văn Tươi	-	-	771.480.200	771.480.200
- Nguyễn Thị Tiên Em	1.257.763.080	1.257.763.080	-	-
- Nguyễn Văn Rười	1.677.116.026	1.677.116.026	-	-
- Nguyễn Dũng Tâm	-	-	687.823.150	687.823.150
- Phải trả các đối tượng khác	6.434.912.081	6.434.912.081	4.266.111.377	4.266.111.377
	11.432.794.587	11.432.794.587	11.591.146.047	11.591.146.047

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Chen Foods (Sorelle Group Pty.,Ltd)	-	1.022.644.683	-	-
- Công nợ trước cổ phần hóa	389.925.937	389.925.937	476.976.878	476.976.878
- Liên Hiệp HXT Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	869.121.546	869.121.546
- Hệ thống Siêu Thị Co.op Mart	-	-	5.002.807.560	5.002.807.560
- Nguyễn Văn Khiêm	-	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Sài Gòn	548.432.370	-	-	-
- Các khoản khác	495.801.939	1.069.747.640	-	-
	1.434.160.246	8.831.224.244	8.831.224.244	8.831.224.244

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn

Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	13.951.927	-	-	-	-	-	-	-	13.951.927	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	10.656.154	-	-	-	-	-	-	-	10.656.154	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	37.835.674	-	-	-	-	-	-	-	37.835.674	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	40.734.644	-	-	723.468.564	-	760.392.446	-	-	-	-	3.810.762
Thuế Tài nguyên	-	-	-	-	7.492.080	-	7.492.080	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	-	3.707.697.953	-	3.555.128.557	-	-	-	-	152.569.396
Các loại thuế khác	-	-	-	-	8.000.000	-	8.000.000	-	-	-	-	-
	62.443.755	40.734.644	40.734.644	4.446.658.597	4.331.013.083	4.331.013.083	62.443.755	156.380.158				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
- Chi phí chiết khấu trích trước	224.174.839	-	521.093.043	-
- Trích trước chi phí tiền thuê đất ở Số 49 Ông Ích Khiêm, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (*)	2.581.190.880	-	-	-
- Chi phí bảo vệ	89.050.000	-	-	-
- Chi phí phải trả khác	97.860.123	120.264.124	-	-
	2.992.275.842	641.357.167		

(*) Công ty và Chi cục thuế Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đang trong quá trình làm việc để thống nhất số tiền thuê đất phải nộp bổ sung tại khu đất nêu trên và chờ công văn trả lời chính thức từ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là doanh thu cho thuê mặt bằng tại đường Trần Hưng Đạo, quận 05, TP. Hồ Chí Minh, số tiền là 685.912.500 đồng.

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	-	26.854.000
- Phải trả về cổ phần hoá	11.267.612.814	11.267.612.814
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.055.861.900	2.055.861.900
- Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn lãi vay vốn hỗ trợ	24.799.354.131	24.799.354.131
- Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi tiền vay VND	121.484.533.336	108.884.200.003
- Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi tiền vay vàng	272.077.514.325	209.579.835.825
- Phải trả về kinh phí ngành	600.778.835	600.778.835
- Phải trả về tài sản bàn giao của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	3.396.720.854	3.396.720.854
- Phải trả Sở Tài chính về di dời chợ Xóm Củi và sân cá 50	240.931.000	240.931.000
- Phải trả tại Trung tâm kinh doanh thủy sản APT	208.594.004	208.594.004
- Trích nộp Tổng Công ty - Quỹ phúc lợi	81.697.182	81.697.182
- Kinh phí di dời	68.034.000	68.034.000
- Phải trả Công ty Thực phẩm Đông lạnh Xuất khẩu Sài Gòn	74.931.310	74.931.310
- Phải trả tại Cửa hàng Cầu Ông Lãnh	10.622.075	10.622.075
- Phải trả Công đoàn Công ty	-	126.057.000
	436.367.185.766	361.422.084.933
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.755.419.381	3.805.236.000
	2.755.419.381	3.805.236.000
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi tiền vay VND (1)	121.484.533.336	108.884.200.003
- Phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) - lãi tiền vay vàng (1)	272.077.514.325	209.579.835.825
- Phải trả về cổ phần hoá	11.267.612.814	11.267.612.814
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.055.861.900	2.055.861.900
- Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn lãi vay vốn hỗ trợ	24.799.354.131	24.799.354.131
- Các khoản phải trả khác trước cổ phần hóa (2)	4.682.309.260	4.682.309.260
+ <i>Phải trả về kinh phí ngành</i>	600.778.835	600.778.835
+ <i>Phải trả về tài sản bàn giao của Tổng công ty Thương mại Sài Gòn</i>	3.396.720.854	3.396.720.854
+ <i>Phải trả Sở Tài chính về di dời chợ Xóm Củi và sân cá 50</i>	240.931.000	240.931.000
+ <i>Phải trả Trung tâm kinh doanh thủy sản APT</i>	208.594.004	208.594.004
+ <i>Trích nộp Tổng Công ty - Quỹ Phúc Lợi</i>	81.697.182	81.697.182
+ <i>Kinh phí di dời</i>	68.034.000	68.034.000
+ <i>Phải trả Công ty Thực phẩm Đông lạnh Xuất khẩu Sài Gòn</i>	74.931.310	74.931.310
+ <i>Phải trả tại Cửa hàng Cầu Ông Lãnh</i>	10.622.075	10.622.075
	436.367.185.766	361.269.173.933
d) Phải trả khác là các bên liên quan	28.196.074.985	28.196.074.985

Lý do chưa thanh toán nợ quá hạn

- (1) Khoản lãi vay liên quan tới khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Nam) không có khả năng thanh toán.
- (2) Các khoản công nợ phải trả phát sinh ở giai đoạn Công ty Nhà nước trước khi cổ phần hóa đang chờ quyết toán.

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn

Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

19 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương	316.312.810.000	-	36.047.940.000	-	352.360.750.000	-
Tín (trước đây là Ngân hàng TMCP						
Phương Nam) (*)						
	316.312.810.000	-	36.047.940.000	-	352.360.750.000	-

Khoản tăng nợ vay trong kỳ là do đánh giá lại nợ gốc vay bằng vàng.

Thông tin bổ sung về khoản vay ngắn hạn:

(*) Số dư tại ngày 31/12/2019 gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

(1.1) Hợp đồng tín dụng số 01/01/09 ngày 08/01/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 103 tỷ đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;
- Lãi suất cho vay: 12%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 103.000.000.000 đồng.

(1.2) Hợp đồng tín dụng số 009/01/09 ngày 08/01/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 5.833 lượng vàng SJC, tương đương 249.360.750.000 đồng theo tỷ giá vàng tại ngày 31/12/2019;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;
- Lãi suất cho vay: 10,8%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 5.833 lượng vàng SJC, tương đương 249.360.750.000 đồng.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	1.831.822.301	(592.684.836.794)	(502.853.014.493)
Lỗ trong năm trước	-	-	(35.751.988.557)	(35.751.988.557)
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	1.831.822.301	(628.436.825.351)	(538.605.003.050)
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	1.831.822.301	(628.436.825.351)	(538.605.003.050)
Lỗ trong năm nay	-	-	(106.364.560.899)	(106.364.560.899)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	1.831.822.301	(734.801.386.250)	(644.969.563.949)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên	26.401.980.000	30,00	26.401.980.000	30,00
Ông Tạ Bá Thuyết	2.000.000.000	2,27	2.000.000.000	2,27
Các cổ đông khác	59.598.020.000	67,73	59.598.020.000	67,73
	88.000.000.000	100,00	88.000.000.000	100,00



c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	88.000.000.000	88.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>88.000.000.000</i>	<i>88.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>88.000.000.000</i>	<i>88.000.000.000</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.800.000	8.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.800.000</i>	<i>8.800.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.800.000</i>	<i>8.800.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.831.822.301	1.831.822.301
	1.831.822.301	1.831.822.301

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2019, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	4.889.967.859	4.889.967.859

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất hoặc được giao đất trả tiền sử dụng hàng năm theo quyết định số 5196/QĐ-UBND ngày 09/10/2005 tại thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng. Theo các hợp đồng và các quyết định giao đất này, Công ty trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước, chi tiết như sau:

Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Thời hạn
Trại cá tại xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	25.211,00	Đất thuê đến năm 2021.
Số 157 Hưng Phú, phường 08, quận 08, Thành phố Hồ Chí Minh.	7.800,80	Đất thuê hiện đang trong quy hoạch dự án công viên cây xanh.
Số 49 Ông Ích Khiêm, phường 10, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.	1.492,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 153 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.	671,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 117 Nghĩa Thục, phường 05, quận 05, Thành phố Hồ Chí Minh	401,10	Đất thuê trả tiền hàng năm.
Số 469 Bạch Đằng, phường 14, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	322,90	Đất thuê trả tiền hàng năm.

Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Thời hạn
Số 321 - 323 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	299,90	Đất thuê trả tiền hàng năm.
107/14 Lạc Long Quân, phường 03, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	293,20	Đất thuê trả tiền hàng năm.
109 Nguyễn Thái Sơn, phường 04, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	277,00	Đất thuê trả tiền hàng năm.
1103 - 1105 Trần Hưng Đạo, phường 05, quận 05, Thành phố Hồ Chí Minh	193,50	Đất thuê đến năm 2020.
48 - 50 Lê Văn Linh, phường 12, quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh	159,70	Đất thuê đến năm 2020.
202 - 204 Hàn Hải Nguyên, phường 02, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	147,00	Đất thuê đến năm 2058.
Số 78 - 80 Nghĩa Thục, phường 05, quận 05, Thành phố Hồ Chí Minh	134,50	Đất thuê đến năm 2020.
42 Trưng Nữ Vương, phường 04, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	89,30	Đất thuê đến năm 2058.
98 Bến Chương Dương, phường Nguyễn Thái Bình, quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh	75,20	Đất thuê đến năm 2058.
c) Ngoại tệ các loại		
	31/12/2019	01/01/2019
Đồng đô la Mỹ (USD)	470.720,68	3.406,00
d) Nợ khó đòi đã xử lý		
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ông Trần Văn Tạo	383.646.000	383.646.000
22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	127.484.155.912	91.834.891.727
Doanh thu bán thành phẩm	167.480.661.594	151.925.055.635
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.158.289.001	50.384.273.200
	353.123.106.507	294.144.220.562
23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	562.268.550	3.354.857.997
	562.268.550	3.354.857.997

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	120.628.360.056	87.869.070.904
Giá vốn của thành phẩm đã bán	140.209.597.504	128.755.981.184
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	37.888.885.133	33.949.075.733
	298.726.842.693	250.574.127.821

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.095.795.080	1.575.624.114
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	18.172.807	298.460.977
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại gốc vay vàng cuối năm	-	116.660.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	83.825.417
	2.113.967.887	2.074.570.508

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	38.121.977.370	35.561.766.611
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.213.540	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	(89.023.049)	-
Khoản lỗ do đánh giá lại lãi tiền vay vàng phải trả theo tỷ giá vàng cuối năm	36.976.034.463	-
Khoản lỗ do đánh giá lại gốc vay vàng theo tỷ giá vàng cuối năm	36.047.940.000	-
	111.067.142.324	35.561.766.611

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.800.414.556	2.700.350.903
Chi phí nhân công	5.647.231.600	4.851.257.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	800.001.186	831.007.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.488.664.393	9.463.222.498
Chi phí khác bằng tiền	18.398.446.866	12.714.574.779
	37.134.758.601	30.560.413.574

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	8.423.706.000	7.410.379.288
Chi phí khấu hao tài sản cố định	906.353.300	1.003.450.281
Thuế, phí, lệ phí	67.449.621	67.105.160
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(90.500.000)	(80.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	711.710.431	496.251.922
Chi phí khác bằng tiền	4.271.075.583	3.004.894.159
	14.289.794.935	11.902.080.810

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	96.363.636	136.363.636
Thu nhập từ xử lý các khoản công nợ	104.552.346	6.405.948
Thu nhập khác	2.394.175	9.136.788
	203.310.157	151.906.372

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thuế GTGT không được khấu trừ	-	141.714.201
Các khoản phạt, chậm nộp thuế, BHXH	12.054.106	9.731.296
Xử lý công nợ	12.084.241	17.260.689
Chi phí khác	-	733.000
	24.138.347	169.439.186

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(106.364.560.899)	(35.751.988.557)
Các khoản điều chỉnh tăng	2.581.190.880	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(106.364.560.899)	(35.751.988.557)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(37.835.674)	(37.835.674)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh	(37.835.674)	(37.835.674)

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(106.364.560.899)	(35.751.988.557)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(106.364.560.899)	(35.751.988.557)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.800.000	8.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(12.087)	(4.063)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.616.238.379	125.518.657.139
Chi phí nhân công	44.321.509.002	43.020.325.761
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.877.254.831	6.533.367.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.429.845.929	21.834.285.267
Chi phí khác bằng tiền	23.112.179.502	17.636.561.143
	223.357.027.643	214.543.196.712

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.836.244.463	-	3.106.080.170	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	126.917.712.765	(105.583.043.784)	130.989.037.911	(105.673.543.784)
Các khoản cho vay	43.000.000.000	-	23.000.000.000	-
	183.753.957.228	(105.583.043.784)	157.095.118.081	(105.673.543.784)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	352.360.750.000	316.312.810.000
Phải trả người bán, phải trả khác	450.555.399.734	376.818.466.980
Chi phí phải trả	2.992.275.842	641.357.167
	805.908.425.576	693.772.634.147

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.836.244.463	-	-	13.836.244.463
Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.203.742.161	130.926.820	-	21.334.668.981
Các khoản cho vay	43.000.000.000	-	-	43.000.000.000
	78.039.986.624	130.926.820	-	78.170.913.444
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.106.080.170	-	-	3.106.080.170
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.269.396.627	46.097.500	-	25.315.494.127
Các khoản cho vay	23.000.000.000	-	-	23.000.000.000
	51.375.476.797	46.097.500	-	51.421.574.297

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	352.360.750.000	-	-	352.360.750.000
Phải trả người bán, phải trả khác	447.799.980.353	2.755.419.381	-	450.555.399.734
Chi phí phải trả	2.992.275.842	-	-	2.992.275.842
	803.153.006.195	2.755.419.381	-	805.908.425.576
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	316.312.810.000	-	-	316.312.810.000
Phải trả người bán, phải trả khác	373.013.230.980	3.805.236.000	-	376.818.466.980
Chi phí phải trả	641.357.167	-	-	641.357.167
	689.967.398.147	3.805.236.000	-	693.772.634.147

Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ vẫn có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn và các nguồn lực tài chính khác.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh thủy hải sản	Gia công và dịch vụ khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	294.402.548.956	58.158.289.001	352.560.837.957
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	33.564.591.396	20.269.403.868	53.833.995.264
Tổng chi phí mua TSCĐ	864.699.634	522.185.595	1.386.885.229
Tài sản bộ phận trực tiếp	105.715.222.299	63.840.626.286	169.555.848.585
Tổng tài sản	105.715.222.299	63.840.626.286	169.555.848.585
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	505.977.273.353	305.555.863.339	811.533.136.692
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	2.992.275.842
Tổng nợ phải trả	505.977.273.353	305.555.863.339	814.525.412.534

Theo khu vực địa lý

	Xuất khẩu	Trong nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	154.150.979.160	198.409.858.797	352.560.837.957
Tài sản bộ phận	74.135.290.332	95.420.558.253	169.555.848.585
Tổng chi phí mua TSCĐ	606.390.991	780.494.238	1.386.885.229

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND

Phải trả khác


- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	Cổ đông lớn	28.196.074.985	28.196.074.985
-----------------------------------	-------------	----------------	----------------

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Năm 2019	Năm 2018*
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	728.030.000	619.800.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị.	2.089.154.000	1.577.000.000

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

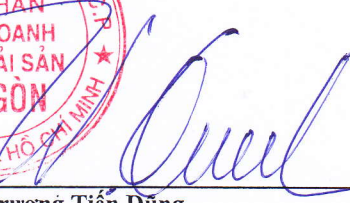


Đoàn Thị Thu Hà
 Người lập



Đoàn Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng





Trương Tiên Dũng
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2020

XÁC NHẬN
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Tiên Dũng
TRƯƠNG TIÊN DŨNG